

## Chương mở đầu

### NHẬP MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

#### I. Khái niệm và đối tượng học tập

##### 1. Khái niệm, mục tiêu, yêu cầu môn học

###### a. Chính trị và môn học Giáo dục chính trị

- *Chính trị* là toàn bộ những hoạt động có liên quan đến các mối quan hệ giai cấp, dân tộc, quốc gia và các tầng lớp xã hội, mà cốt lõi là vấn đề giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước, xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ nội dung hoạt động của nhà nước (*Từ điển Bách khoa Việt Nam*).

- *Giáo dục Chính trị* là môn học bao gồm nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chngiã xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị, niềm tin và năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của đất nước

###### b. Mục tiêu và yêu cầu của môn học

\* *Mục tiêu của môn học*

- *Về kiến thức:*

+ Nắm vững những nội dung cơ bản nhất về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; nguồn gốc, nội dung cơ bản và ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hiểu biết và trình bày được nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ, nhất là đường lối đổi mới của Đảng trên các lĩnh vực từ năm 1986 đến nay.

-*Về kỹ năng:*

+ Bước đầu hình thành nhân sinh quan, thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng vào học tập, rèn luyện và công tác sau này;

+ Rèn luyện được tác phong công nghiệp, lề lối làm việc của người lao động mới.

-*Về thái độ:*

+ Hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức, phấn đấu trở thành người học sinh tốt, người công dân tốt

+ Củng cố niềm tự hào, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn;

+ Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu lao động, rèn luyện, đóng góp tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

\* *Yêu cầu môn học*

- Học sinh biết gắn nhận thức lý luận và đường lối cách mạng của Đảng với thực tiễn cách mạng Việt Nam;

- Kết hợp học tập với rèn luyện, liên hệ với vai trò của người học sinh trung học chuyên nghiệp; với cuộc sống nghề nghiệp sau khi ra trường.

## **2. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu, học tập**

- *Đối tượng môn học Giáo dục chính trị* là những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước và con đường, phương pháp để thực hiện các nội dung đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

- *Giáo dục chính trị* có nhiệm vụ trang bị cho học sinh hiểu biết về:

+ Thế giới quan, phương pháp luận triết học, học thuyết kinh tế, lý luận chính trị - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin;

+ Hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam;

+ Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và đường lối cách mạng của Đảng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Những kiến thức cơ bản về giáo dục công dân để học tập và rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động có ích cho xã hội.

## **II. Phương pháp học tập**

### **1. Áp dụng các phương pháp học tập tích cực**

### **2. Việc học tập cần liên hệ với nghề nghiệp tương lai và thực tiễn cuộc sống**

## **III. Ý nghĩa học tập**

### **1. Góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học**

- Môn học góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho người học nhìn nhận sự vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; những quan điểm chính trị, đạo đức... góp phần cải tạo, phát triển hiện thực.

- *Giáo dục chính trị* nhằm nâng cao trình độ giác ngộ chính trị cho công dân, là một trong những nội dung quan trọng trong giáo dục con người và đào tạo nghề nghiệp

### **2. Bồi dưỡng nhận thức, năng lực hành động và rèn luyện đạo đức**

- Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị, niềm tin vào Đảng và con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Đấu tranh chống những luận điểm sai trái xuyên tạc của các thế lực thù địch.

- Vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công tác, ý thức nghề nghiệp của mỗi người.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Làm rõ sự cần thiết và ý nghĩa học tập môn Giáo dục chính trị trong điều kiện hiện nay. Liên hệ nhận thức của bản thân?*
- 2. Trình bày đối tượng và phương pháp học tập môn Giáo dục chính trị của học sinh trung cấp chuyên nghiệp?*

## Chương 1 CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

### 1.1. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin

#### 1.1.1. Khái niệm và các bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin do C.Mác, Ph. Ăngghen sáng lập từ những năm 40 của thế kỷ XIX và được V. I. Lênin bổ sung, phát triển hoàn thiện trong điều kiện mới của lịch sử thế giới đầu thế kỷ XX.

##### 1.1.1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin

*Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống lý luận thống nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận cơ bản là triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị học Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học; là hệ thống lý luận khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, giải phóng con người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

##### 1.1.1.2. Ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin

*Triết học Mác - Lênin* là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; có vai trò trang bị cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

*Kinh tế chính trị học Mác - Lênin* là khoa học nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ rõ bản chất bóc lột; quá trình hình thành, phát triển và suy tàn của phương thức sản xuất chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự ra đời của phương thức sản xuất mới – phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

*Chủ nghĩa xã hội khoa học* nghiên cứu những quy luật chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương thức xây dựng xã hội mới. Chỉ rõ giai cấp vô sản và nhân dân lao động là lực lượng thực hiện sự chuyển biến đó.

#### 1.1.2. Cơ sở hình thành chủ nghĩa Mác

##### 1.1.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Vào giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản xác lập và phát triển ở nhiều nước Tây Âu. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản gắn liền với sự ra đời và phát triển giai cấp công nhân thành lực lượng to lớn. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ngày càng gay gắt.

Hàng loạt cuộc đấu tranh tự phát của công nhân thế giới chống lại giai cấp tư sản đã nổ ra nhưng đều thất bại. Sự thất bại đó đòi hỏi phải có lý luận khoa học dẫn đường cho giai cấp công nhân đấu tranh. Chủ nghĩa Mác ra đời đáp ứng những đòi hỏi ấy.

##### 1.1.2.2. Tiền đề tư tưởng lý luận và khoa học

\* *Tiền đề tư tưởng lý luận ra đời chủ nghĩa Mác* là những thành tựu lý luận đỉnh cao của nhân loại như:

- Triết học cổ điển Đức (Cantơ, Hêghen, Phoiobác);
- Kinh tế chính trị học cổ điển Anh (Ăđam Xmit và Đavít Ricácđô);
- Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp (Xanh Ximông, Phu-riê; O-oen).
- \* *Tiền đề khoa học tự nhiên* là những phát minh khoa học như:
  - Thuyết tiến hoá của Đác-uyn,
  - Học thuyết bảo toàn và chuyển hoá năng lượng của Lômônôxốp,
  - Học thuyết về tế bào.

### 1.1.2.3. Vai trò nhân tố chủ quan

C.Mác (1818 - 1883) và Ph.Ăngghen (1820 - 1895) đã kế thừa, tiếp thu có chọn lọc và phát triển những tiền đề tư tưởng lý luận, sáng tạo ra học thuyết của mình.

Hai ông đã xây dựng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; làm sáng tỏ quy luật hình thành, phát triển, diệt vong của chủ nghĩa tư bản và vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản là xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác ra đời đáp ứng đòi hỏi cấp bách của phong trào cách mạng thế giới. Là sự phản ánh của thực tiễn xã hội và thành tựu trí tuệ của loài người.

### **1.1.3. Quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin**

#### 1.1.3.1 Giai đoạn C.Mác - Ph.Ăngghen (1848 - 1895)

Các Mác (1818 - 1883), Ph. Ăngghen (1820 - 1895) đều là người Đức. Từ năm 1844, hai ông bắt đầu gặp nhau, sớm thống nhất tư tưởng và hoạt động chính trị. Hai ông cùng nhau phát hiện ra sức mạnh to lớn của giai cấp công nhân và chuyển biến từ lập trường duy tâm sang duy vật, từ tinh thần dân chủ sang tinh thần cách mạng.

Các Mác và Ăng ghen đã viết nhiều tác phẩm hình thành ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác. Hai ông còn tham gia sáng lập và là lãnh tụ của Quốc tế I (1863 - 1876), đặt nền tảng cho sự ra đời phong trào công nhân quốc tế.

Năm 1889, Ph.Ăngghen thành lập Quốc tế II, mở ra thời kỳ phát triển rộng của phong trào.

Bằng hoạt động lý luận, sáng lập học thuyết mang tên mình, Mác - Ăngghen đã đưa phong trào công nhân từ tự phát thành phong trào tự giác và phát triển mạnh mẽ.

#### 1.1.3.2. Giai đoạn V.I.Lênin phát triển chủ nghĩa Mác (1895 - 1924)

V.I.Lênin (1870 - 1924) đã đấu tranh, phê phán không khoan nhượng đối với mọi kẻ thù, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Người phân tích sâu sắc những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa đế quốc và khẳng định cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở một vài nước, thậm chí ở một nước tư bản kém phát triển.

Cách mạng vô sản và phong trào giải phóng dân tộc có mối quan hệ khăng khít với nhau. Muốn cho cách mạng vô sản thắng lợi tất yếu phải xây dựng một

đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Đảng đó phải được tổ chức chặt chẽ và theo chủ nghĩa Mác.

Qua lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga và Liên Xô (1917 - 1924), V.I. Lênin đã phát triển những vấn đề lý luận mới. Đó là lý luận nhà nước và cách mạng, xây dựng chính quyền Xô viết; phát triển kinh tế, khoa học - kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất mới; công nghiệp hoá, điện khí hoá toàn quốc; thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa...

V.I. Lênin đã bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

### 1.1.3.3. Giai đoạn sau V.I. Lênin (từ 1924 cho đến nay)

Với bản chất khoa học và cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin có sức sống bền vững. Các Đảng cộng sản đều xác định chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, định hướng hành động của mình. Mỗi Đảng cộng sản vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin với những nội dung mới, xây dựng đường lối cách mạng phù hợp với thực tiễn đất nước và thời đại mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam kiên trì, vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển và khẳng định: Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

## 1.2. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

### 1.2.1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử

#### 1.2.1.1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức

##### ❖ **Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

\* *Tìm hiểu bản chất của thế giới*: Đây là một trong những vấn đề cơ bản của triết học. Có hai quan điểm cơ bản là quan điểm duy vật và quan điểm duy tâm.

- *Chủ nghĩa duy tâm* ( CNDT) cho rằng bản chất thế giới là ý thức, ý thức là cái có trước, vật chất là cái có sau, ý thức quyết định vật chất.

- *Chủ nghĩa duy vật* (CNDV) khẳng định vật chất là cái có trước, ý thức là cái có sau, vật chất quyết định ý thức, còn ý thức chỉ là sự phản ánh một phần thế giới vật chất vào đầu óc con người.

CNDV phát triển qua ba hình thức:

+ CNDV chất phác thời cổ đại

+ CNDV siêu hình thời cận đại

+ CNDV biện chứng do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới biểu hiện rất đa dạng, phong phú khác nhau nhưng đều có chung bản chất vật chất.

❖ **V.I. Lênin định nghĩa**: "*Vật chất là một phạm trù triết học, dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta*

*chép lại, chụp lại phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác".*

- Định nghĩa này có thể hiểu theo nghĩa cơ bản sau:

*Thứ nhất*, với tư cách là phạm trù triết học (phân biệt với các khái niệm hay phạm trù của các khoa học cụ thể khác) dùng để chỉ mọi thực tại khách quan. Thực tại đó biểu hiện sự tồn tại của nó dưới hình thức các sự vật, hiện tượng tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người, không phụ thuộc vào ý thức của con người.

*Hai là*, thuộc tính cơ bản nhất, chung nhất của các dạng vật chất là tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào cảm giác, ý thức của con người. Có thể hiểu mọi thứ tồn tại khách quan đều là vật chất.

*Ba là*, Khi vật chất (sự vật cụ thể) tác động vào giác quan, gây nên cảm giác. Được cảm giác của chúng ta ghi lại. Vì vậy con người có khả năng nhận thức được thế giới. Do đó, vật chất phải là cái có trước; còn cảm giác, ý thức của con người là cái có sau, chỉ là sự phản ánh đối với vật chất, có nguồn gốc từ vật chất.

- Ý nghĩa của định nghĩa vật chất của Lênin:

+ Giải quyết được vấn đề cơ bản của triết học theo lập trường duy vật biện chứng.

+ Mở đường cho các ngành khoa học cụ thể đi sâu nghiên cứu thế giới, tìm thêm những dạng mới của vật chất.

+ Đem lại niềm tin cho con người trong việc nhận thức thế giới và cải tạo thế giới.

#### ❖ **Các phương thức tồn tại của vật chất**

- *Vận động của vật chất*

+ Khái niệm: "vận động là một phương thức tồn tại của vật chất, bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy".

+ Vận động là thuộc tính cố hữu của vật chất nên vận động và vật chất không tách rời nhau. Sự vận động của vật chất là vĩnh viễn. Nguồn gốc vận động là tự thân, do mâu thuẫn bên trong, do tác động qua lại giữa các yếu tố trong cùng một sự vật hay giữa các sự vật với nhau.

Có 5 hình thức vận động cơ bản: cơ học, lý học, hoá học, sinh học, xã hội.

Các hình thức vận động đó khác nhau về chất. Không được quy gộp hay so sánh hình thức vận động này với hình thức vận động khác. Hình thức vận động cao ra đời từ hình thức vận động thấp. Vận động xã hội là hình thức vận động cao nhất, nó bao hàm mọi hình thức vận động khác.

- Vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối:

+ Vận động là tuyệt đối vì vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất. Không ở đâu, không lúc nào có vật chất mà lại không có sự vận động.

+ Đứng im là tương đối vì nó chỉ xảy ra với một hình thức vận động, có tính chất

cá biệt, chỉ xảy ra trong một quan hệ nhất định. Không có đứng im tương đối thì không thể có những sự vật cụ thể, xác định và con người không thể nhận thức được bất cứ cái gì.

- *Ý nghĩa phương pháp luận*: cho ta cách nhìn sự vật, hiện tượng trong trạng thái động; không cứng nhắc, cố định khi tình hình đã thay đổi.

#### ❖ **Không gian và thời gian**

- Khái niệm không gian dùng để chỉ vị trí tồn tại của sự vật, hiện tượng và kết cấu hình dạng của chúng.

- Khái niệm thời gian dùng để chỉ quá trình vận động, biến đổi của các sự vật, hiện tượng.

Không gian, thời gian là thuộc tính cố hữu của vật chất nên nó gắn liền với vật chất vận động. Vật chất vận động là vận động trong không gian và thời gian.

Không gian, thời gian tồn tại khách quan và vô cùng, vô tận.

- *Ý nghĩa phương pháp luận*: là muốn nhận thức đúng sự vật, hiện tượng, nhất thiết phải có quan điểm lịch sử cụ thể, xem xét nó trong không gian, thời gian nhất định, đồng thời phải dự báo dự đoán sự vận động của sự vật, hiện tượng trong tương lai.

#### ❖ **Tính thống nhất của thế giới**

- Thế giới thống nhất ở tính vật chất. Biểu hiện:

+ Thế giới vật chất tồn tại khách quan, độc lập với ý thức.

+ Thế giới vật chất là vô tận, vận động, chuyển hoá lẫn nhau. Tất cả đều là nguyên nhân, đều là kết quả của nhau, đều có nguồn gốc vật chất.

+ Mỗi lĩnh vực của giới tự nhiên hay xã hội dù hình thức biểu hiện ở những dạng cụ thể khác nhau chúng đều là vật chất, đều có liên hệ và đều chịu chi phối bởi những quy luật khách quan của thế giới vật chất.

- *Ý nghĩa phương pháp luận*: trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải xuất phát từ bản thân sự vật, hiện thực khách quan mà phân tích, xem xét nó, phải đặt nó trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng có liên quan, không được chủ quan kết luận.

#### ❖ **Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về ý thức**

\* *Nguồn gốc và bản chất của ý thức*

- *Khái niệm ý thức* dùng để chỉ toàn bộ đời sống tinh thần, là sự phản ánh năng động sáng tạo hiện thực khách quan của con người, trong đó gồm ba yếu tố cơ bản nhất là tri thức, tình cảm và ý chí của con người.

- *Nguồn gốc*: Ý thức ra đời từ hai nguồn gốc: nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội

+ *Nguồn gốc tự nhiên* gồm bộ óc người và thế giới khách quan.

Con người là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của giới tự nhiên, là sản phẩm cao nhất của giới tự nhiên con người với bộ não phát triển cao, từ đó ra đời ý thức. Ý thức là thuộc tính của bộ óc người.

Thế giới khách quan (tự nhiên, xã hội) tồn tại bên ngoài con người là đối tượng phản ánh, là nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

+ *Nguồn gốc xã hội* gồm hai yếu tố là lao động và ngôn ngữ:

Hoạt động lao động sản xuất làm cho bộ não người càng phát triển, khả năng nhận thức, sáng tạo và chinh phục tự nhiên ngày càng cao hơn.

Ngôn ngữ ra đời gắn liền với lao động, nó trở thành phương tiện để con người giao tiếp, diễn đạt tư tưởng, ý thức.

- *Bản chất của ý thức* là sự phản ánh thế giới khách quan vào óc người và cải biến đi; là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan.

- *Ý nghĩa phương pháp luận:*

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tạo điều kiện cung cấp các dưỡng chất cần thiết cho bộ não hoạt động.

Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải biết phát huy tính năng động sáng tạo của ý thức để cải biến hiện thực khách quan

\* *Quan hệ giữa vật chất và ý thức:*

- *Vật chất quyết định ý thức:*

+ Vật chất là tiền đề, là cơ sở và nguồn gốc cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của ý thức.

+ Điều kiện vật chất thế nào thì ý thức như thế đó. Khi cơ sở, điều kiện vật chất thay đổi thì ý thức cũng thay đổi theo.

+ Vật chất quyết định cả nội dung, bản chất và khuynh hướng vận động, phát triển của ý thức.

- *Ý thức tác động trở lại vật chất:* Ý thức do vật chất sinh ra và quyết định nhưng ý thức có tác động to lớn đối với vật chất. Tác động đó thông qua hoạt động thực tiễn của con người

+ Ý thức giúp con người hiểu được bản chất, quy luật vận động phát triển của sự vật, hiện tượng để hình thành phương hướng, mục tiêu và những phương pháp, cách thức thực hiện phương hướng, mục tiêu đó.

+ Nhờ có ý thức, con người biết lựa chọn những khả năng phù hợp nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội, thúc đẩy sự vật phát triển.

- *Ý nghĩa phương pháp luận:*

+ Để đảm bảo sự thành công của hoạt động nhận thức hay thực tiễn, con người phải luôn xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan.

+ Phải phát huy tính năng động chủ quan, tính sáng tạo của con người, phát huy tác động tích cực của ý thức, không trông chờ, ỷ lại trong nhận thức và hành động cải tạo thế giới.

#### ❖ *Phép biện chứng duy vật*

Phép biện chứng duy vật là lý luận khoa học về các mối liên hệ phổ biến về sự vận động, phát triển của mọi sự vật, hiện tượng, là những quy luật chung nhất, phổ biến nhất của mọi quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

Phép biện chứng duy vật bao gồm hai nguyên lý cơ bản; sáu cặp phạm trù và ba quy luật cơ bản.

\* *Hai nguyên lý cơ bản:*

- *Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến*

+ Thế giới có vô vàn các sự vật, hiện tượng, chúng tồn tại trong mối liên hệ với nhau; trong sự quy định lẫn nhau, tác động và làm biến đổi lẫn nhau. Mặt khác, các yếu tố, các mặt trong mỗi sự vật, hiện tượng cũng tồn tại trong mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau, chi phối và làm biến đổi lẫn nhau.

+ Mỗi liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng rất đa dạng, muôn hình, muôn vẻ. Có mối liên hệ bên trong, bên ngoài; hệ thống này với hệ thống kia; mối liên hệ chung, riêng; trực tiếp, gián tiếp; tất nhiên và ngẫu nhiên; mối liên hệ cơ bản và không cơ bản.v.v...

- *Ý nghĩa phương pháp luận:*

+ Phải có quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử - cụ thể, phải xem xét kỹ các mối liên hệ bản chất, bên trong sự vật, hiện tượng.

+ Tránh cách nhìn phiến diện, một chiều, chung chung trong việc nhận thức, giải quyết mọi vấn đề trong thực tiễn cuộc sống và công việc.

- *Nguyên lý về sự phát triển*

+ Mọi sự vật, hiện tượng luôn vận động và phát triển không ngừng.

+ Vận động diễn ra có thể theo khuynh hướng đi lên; khuynh hướng thụt lùi, đi xuống và khuynh hướng vận động theo vòng tròn, lặp lại như cũ.

+ *Phát triển* là khuynh hướng vận động từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện theo chiều hướng đi lên của sự vật, hiện tượng; là quá trình hoàn thiện về chất và nâng cao trình độ của chúng. Phát triển là khuynh hướng chung của thế giới, có tính phổ biến, được thể hiện trên mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy:

Trong tự nhiên có phát triển của giới vô sinh và hữu sinh.

Trong xã hội, có phát triển của tiến trình lịch sử xã hội loài người.

Trong tư duy là nhận thức con người ngày càng rõ hơn, khám phá ra những điều bí ẩn của thế giới. Nhận thức của từng người là có hạn, nhận thức của con người là vô hạn.

Nguyên nhân của sự phát triển là do sự liên hệ và tác động qua lại giữa các mặt, các yếu tố bên trong của sự vật, hiện tượng, không phải do bên ngoài áp đặt, càng không phải do ý muốn chủ quan của con người quy định. Con người chỉ có thể nhận thức và thúc đẩy hiện thực phát triển nhanh hoặc chậm lại mà thôi.

+ *Ý nghĩa phương pháp luận:*

Nguyên lý về sự phát triển giúp chúng ta nhận thức sự vật, hiện tượng theo xu hướng vận động phát triển, tránh được cách nhìn phiến diện, định kiến, bảo thủ.

Là cơ sở khoa học để hình thành tư tưởng lạc quan trước những khó khăn, thất bại trong công việc và cuộc sống, vững tin vào tương lai.

*\* Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật*

- *Về nhận thức quy luật*

+ Quy luật là những mối liên hệ bản chất, tất nhiên, bên trong, có tính phổ biến và được lặp đi lặp lại giữa các mặt, các yếu tố trong cùng một sự vật, hiện tượng, hay giữa các sự vật hiện tượng.

Trong thế giới khách quan có nhiều quy luật khác nhau và đều có tính khách quan.

Quy luật tự nhiên diễn ra một cách tự phát, thông qua tác động của lực lượng tự nhiên.

Quy luật xã hội, được hình thành và tác động thông qua hoạt động của con người. Tác động của quy luật xã hội phụ thuộc vào nhận thức và vận dụng của con người.

+ Con người không thể sáng tạo ra quy luật hay xoá bỏ quy luật theo ý muốn chủ quan của mình.

+ *Ý nghĩa phương pháp luận:* con người nhận thức được quy luật sẽ có thể chủ động vận dụng quy luật, tạo ra những điều kiện thuận lợi, hoặc hạn chế tác hại của quy luật để phục vụ nhu cầu lợi ích của mình.

- *Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập*

Đây là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, vạch ra nguồn gốc động lực của sự phát triển và là hạt nhân của phép biện chứng duy vật.

+ *Khái niệm:* Mặt đối lập là những mặt có tính chất trái ngược nhau nhưng chúng tồn tại trong sự quy định lẫn nhau.

Sự vật, hiện tượng nào cũng là thể thống nhất của các mặt đối lập. Từ mặt đối lập mà hình thành mâu thuẫn biện chứng - mâu thuẫn bao hàm sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.

Các mặt đối lập trong mỗi sự vật vừa thống nhất lại vừa đấu tranh tác động, bài trừ phủ định nhau. Sự đấu tranh đó đưa đến sự chuyển hoá làm thay đổi mỗi mặt đối lập hoặc cả hai mặt đối lập, chuyển lên trình độ cao hơn hoặc cả hai mặt đối lập cũ mất đi, hình thành hai mặt đối lập mới. Do đó, có thể nói: sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc và động lực cơ bản của mọi sự vận động và phát triển.

+ Sự thống nhất các mặt đối lập là tương đối, tạm thời, thoáng qua, gắn với đứng im tương đối của sự vật.

+ Đứng im là thời điểm các mặt đối lập có sự phù hợp, đồng nhất, tác dụng ngang nhau. Đây là trạng thái cân bằng giữa các mặt đối lập.

+ Đấu tranh giữa các mặt đối lập là tuyệt đối vì là các mặt đối lập nó vận động trái chiều nhau, không ngừng tác động, ảnh hưởng đến nhau, làm sự vật, hiện tượng biến đổi, vận động.

+ *Ý nghĩa của quy luật:*

Trong nhận thức và thực tiễn phải phát hiện được những mâu thuẫn của sự vật hiện tượng, biết phân loại mâu thuẫn, có các biện pháp thích hợp để giải quyết mâu thuẫn.

Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết mâu thuẫn.

- *Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại*

+ Đây là quy luật về cách thức của mọi sự vận động và phát triển của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ Mỗi sự vật, hiện tượng đều gồm hai mặt đối lập chất và lượng.

Chất là chỉ các thuộc tính khách quan, vốn có của các sự vật, hiện tượng;

Lượng là chỉ số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô tồn tại và tốc độ, nhịp điệu biến đổi của chúng.

Chất là mặt tương đối ổn định, lượng là mặt thường xuyên biến đổi

Trong mỗi sự vật, hiện tượng, chất và lượng tồn tại trong tính quy định lẫn nhau, không tách rời nhau. Tương ứng với một lượng (hay một loại lượng) thì cũng có một chất (hay loại chất) nhất định và ngược lại. Vì vậy, những sự thay đổi về lượng đều có khả năng dẫn tới những sự thay đổi về chất tương ứng và ngược lại, những sự biến đổi về chất của sự vật lại có thể tạo ra những khả năng dẫn tới những biến đổi mới về lượng của nó.

Sự thống nhất giữa lượng và chất, được thể hiện trong giới hạn nhất định gọi là độ. Độ là giới hạn trong đó có sự thống nhất giữa lượng và chất mà ở đó đã có sự biến đổi về lượng nhưng chưa có sự thay đổi về chất; sự vật khi đó còn là nó, chưa là cái khác. Đến điểm nút, qua bước nhảy bắt đầu có sự thay đổi về chất. Sự vật biến đổi hoàn toàn về chất thành sự vật khác (với chất mới).

Chất mới ra đời với lượng mới. Lượng mới lại tiếp tục biến đổi đến giới hạn nào đó lại phá vỡ chất cũ thông qua bước nhảy. Quá trình cứ thế tiếp diễn tạo nên cách thức vận động phát triển thống nhất giữa tính liên tục và tính đứt đoạn trong sự vận động phát triển của sự vật.

+ *Ý nghĩa của quy luật:*

Phải tích lũy lượng để thực hiện biến đổi về chất, khắc phục khuynh hướng chủ quan, duy ý chí, muốn các bước nhảy liên tục.

Mặt khác, cần khắc phục tư tưởng hữu khuynh, ngại khó khăn, lo sợ không dám thực hiện những bước nhảy vọt khi có đủ điều kiện.

Trong hoạt động thực tiễn, cần tích cực chuẩn bị kỹ mọi điều kiện chủ quan. Khi có tình thế, thời cơ khách quan thì kiên quyết tổ chức thực hiện bước nhảy để giành thắng lợi quyết định.

- *Quy luật phủ định của phủ định*

Quy luật này vạch ra khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật.

+ Khái niệm phủ định: Sự vật hiện tượng nào đó xuất hiện, mất đi, thay thế bằng sự vật, hiện tượng khác. Sự thay thế đó gọi là phủ định.

+ Khái niệm (đặc trưng) phủ định biện chứng: là sự tự phủ định do mâu thuẫn bên trong, vốn có của sự vật; là phủ định gắn liền với sự vận động phát triển; là phủ định có sự kế thừa yếu tố tích cực của sự vật cũ và được cải biến đi cho phù hợp với cái mới; là sự phủ định vô tận.

Phủ định biện chứng gắn với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, mỗi loại sự vật có phương thức phủ định riêng. Phủ định trong tự nhiên khác với phủ định trong xã hội, và cũng khác với phủ định trong tư duy.

+ Sự vật nào vận động phát triển cũng có tính chu kỳ. Sự vật khác nhau thì chu kỳ, nhịp điệu vận động phát triển dài, ngắn khác nhau. Tính chu kỳ của sự phát triển là từ một điểm xuất phát, trải qua một số lần phủ định, sự vật dường như quay trở lại điểm xuất phát nhưng cao hơn.

Mỗi lần phủ định là kết quả của sự đấu tranh và chuyển hoá các mặt đối lập. Phủ định lần thứ nhất làm cho sự vật trở thành cái đối lập với chính nó. Phủ định lần thứ hai sự vật mới ra đời, đối lập với cái đối lập, nên sự vật dường như quay lại cái cũ, nhưng trên cơ sở cao hơn. Đó chính là con đường vận động phát triển đi lên của sự vật, không diễn ra theo đường thẳng, mà diễn ra theo đường xoáy ốc quanh co phức tạp.

+ Ý nghĩa của quy luật:

Khi xem xét sự vận động phát triển của sự vật, phải xem xét nó trong quan hệ cái mới ra đời từ cái cũ, cái tiến bộ ra đời từ cái lạc hậu, chống phủ định sạch trơn, hoặc kế thừa không có chọn lọc.

Bênh vực, ủng hộ cái mới, tin tưởng vào cái mới tiến bộ. Khi có những bước thoái trào cần xem xét kỹ lưỡng, phân tích nguyên nhân, tìm cách khắc phục để từ đó có niềm tin tưởng vào thắng lợi.

#### ❖ **Lý luận nhận thức**

- Bản chất của nhận thức

Nhận thức là một loại hoạt động của con người, là quá trình phản ánh chủ động, tích cực, sáng tạo thế giới khách quan vào trong đầu óc người. Hoạt động đó được thực hiện thông qua hoạt động thực tiễn; lấy thực tiễn làm cơ sở, làm mục đích, làm động lực và làm tiêu chuẩn xác định tính đúng đắn của các tri thức ấy.

Chủ thể nhận thức là con người. Quá trình nhận thức thường bị chi phối bởi điều

kiện lịch sử, về kinh tế, chính trị - xã hội, truyền thống văn hoá; đặc điểm tâm sinh lý, đặc biệt là năng lực nhận thức, tư duy của chủ thể.

Khách thể nhận thức là hiện thực khách quan. Không có sự vật, hiện tượng nào trong thế giới khách quan mà con người không thể biết được. Những tri thức của con người về thế giới được thực tiễn kiểm nghiệm là tri thức xác thực, tin cậy.

Nhận thức là quá trình phản ánh hiện thực khách quan, đó là quá trình phản ánh chủ động, tích cực, có sáng tạo; từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ nông đến sâu, từ hiện tượng đến bản chất.

- Ý nghĩa phương pháp luận:

+ Nhận thức giúp con người có tri thức, hiểu biết về sự vật, hiện tượng, từ đó con người thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch của mình.

+ Không ngừng học hỏi, tích lũy kiến thức trong suốt cuộc đời, như ông cha ta đã đúc kết: “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”

- Các giai đoạn của nhận thức

Nhận thức là quá trình biện chứng từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và đến thực tiễn...

+ *Trực quan sinh động* (hay nhận thức cảm tính) là giai đoạn đầu của quá trình nhận thức, phản ánh trực tiếp hiện thực khách quan bằng các giác quan, qua các hình thức cơ bản là cảm giác, tri giác và biểu tượng.

*Cảm giác* là hình thức đầu tiên của phản ánh hiện thực, là kết quả tác động của sự vật vào giác quan con người. Nó chỉ phản ánh được những mặt, những thuộc tính riêng lẻ của sự vật như nóng, lạnh, màu sắc, mùi vị...

*Tri giác* là sự phản ánh đối tượng trong tính toàn vẹn, trực tiếp tổng hợp nhiều thuộc tính khác nhau của sự vật do cảm giác đem lại. Từ tri giác, nhận thức cảm tính chuyển lên hình thức cao hơn là biểu tượng.

*Biểu tượng* là hình ảnh về sự vật được tái hiện trong đầu một cách khái quát, khi không còn tri giác trực tiếp với sự vật. Nó chỉ giữ lại những nét chung về bề ngoài của sự vật nhưng có thể sáng tạo ra một biểu tượng khác tương tự.

→ Đặc điểm chung của giai đoạn nhận thức cảm tính là phản ánh có tính chất hiện thực, trực tiếp, không thông qua khâu trung gian và chỉ là phản ánh bề ngoài, hiện tượng của sự vật.

+ *Tư duy trừu tượng* (hay nhận thức lý tính) là giai đoạn cao của quá trình nhận thức, dựa trên cơ sở tài liệu do trực quan sinh động đưa lại. Chỉ qua giai đoạn này, nhận thức mới nắm được bản chất, quy luật của hiện thực. Tư duy trừu tượng được biểu hiện dưới các hình thức cơ bản: *khái niệm, phán đoán, suy lý*.

*Khái niệm* phản ánh cái chung, bản chất, tất yếu của sự vật. Khái niệm được diễn đạt bằng ngôn ngữ.

*Phán đoán* dựa trên sự liên kết, vận dụng những khái niệm đã có, nhằm khẳng định hay phủ định, một hay nhiều thuộc tính sự vật. Mỗi phán đoán được biểu đạt bằng một “mệnh đề” nhất định. Phán đoán có nhiều loại như phán đoán khẳng định, phủ định, đơn nhất, đặc thù...

*Suy lý* là hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng. Suy lý dựa trên cơ sở những phán đoán đã được xác lập, và những mối liên hệ có tính quy luật của những phán đoán đó, để đi đến những phán đoán mới có tính chất kết luận. Suy lý không chỉ cho phép ta biết được những cái đã, đang xảy ra, mà còn cho biết cả những cái sẽ xảy ra. Nhờ đó có thể dự báo được tương lai.

→ Nhận thức lý tính là giai đoạn nhận thức đáng tin cậy, gần với chân lý khách quan, đáp ứng được mục đích của nhận thức.

+ Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính là hai giai đoạn của một quá trình nhận thức, chúng có liên hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Nhận thức cảm tính là tiền đề, điều kiện của nhận thức lý tính. Ngược lại, nhận thức lý tính sau khi đã hình thành thì tác động trở lại nhận thức cảm tính làm cho nó nhận thức nhạy bén hơn, chính xác hơn. Nhận thức của tư duy trừu tượng phải quay về thực tiễn, để thực tiễn kiểm nghiệm, từ đó mà phân biệt giữa nhận thức đúng với nhận thức sai.

Như vậy, từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng trở về thực tiễn, là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý khách quan.

- *Thực tiễn và vai trò của nó đối với nhận thức*

+ *Thực tiễn* là toàn bộ hoạt động vật chất, cảm tính, có tính chất lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan để phục vụ nhu cầu của con người.

Hoạt động thực tiễn rất phong phú nhưng có ba hình thức cơ bản là hoạt động sản xuất vật chất; hoạt động chính trị - xã hội và hoạt động thực nghiệm khoa học. Trong đó, hoạt động sản xuất ra của cải vật chất là hoạt động cơ bản nhất vì nó quyết định sự tồn tại và phát triển xã hội.

+ *Vai trò của thực tiễn:*

*Thực tiễn là cơ sở, nguồn gốc của nhận thức.* Thực tiễn cung cấp những tài liệu hiện thực, khách quan, làm cơ sở để con người nhận thức; trực tiếp tác động vào thế giới khách quan, qua đó đối tượng bộc lộ ra những đặc trưng, thuộc tính, những quy luật vận động để con người nhận thức được.

*Thực tiễn là động lực và mục đích của nhận thức.* Thực tiễn thường xuyên vận động, phát triển nên nó luôn luôn đặt ra những nhu cầu, nhiệm vụ, phương hướng mới cho nhận thức. Nhận thức của con người không chỉ để giải thích thế giới mà là để cải tạo thế giới theo nhu cầu, lợi ích của mình.

*Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý.* Thực tiễn cao hơn nhận thức vì nó vừa là hiện thực phong phú, khách quan vừa mang tính lịch sử - xã hội, vì vậy có thể chứng minh, kiểm nghiệm tính đúng, sai của nhận thức con người.

+ *Ý nghĩa phương pháp luận:*

Phải đảm bảo sự “thống nhất lý luận và thực tiễn”, lý luận phải xuất phát từ thực tiễn, luôn có ý thức tự giác kiểm tra mọi nhận thức của mình thông qua thực tiễn.

Chống mọi biểu hiện của bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

#### *1.2.1.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử*

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là phân lý luận triết học về xã hội và lịch sử nhân loại nó chỉ rõ cơ sở vật chất của đời sống xã hội và những quy luật cơ bản của quá trình vận động, phát triển của xã hội.

❖ ***Vai trò của sản xuất và phương thức sản xuất trong đời sống xã hội***

- *Vai trò của sản xuất*

+ Sản xuất vật chất là yêu cầu khách quan, là cơ sở của sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội;

+ Sản xuất vật chất là cơ sở hình thành các quan điểm tư tưởng, quan hệ xã hội và các thiết chế xã hội khác nhau.

+ Sản xuất vật chất là cơ sở của mọi sự tiến bộ xã hội.

- *Vai trò của phương thức sản xuất*

+ *Phương thức sản xuất* là cách thức tiến hành sản xuất vật chất trong một giai đoạn nhất định của lịch sử. Mỗi phương thức sản xuất gồm hai mặt cấu thành là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

*Lực lượng sản xuất* là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, là trình độ chinh phục tự nhiên của con người, là mặt tự nhiên của phương thức sản xuất. Lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất và người lao động:

Người lao động với thể lực và trí lực của mình tích cực tham gia vào quá trình sản xuất, đóng vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất.

Tư liệu sản xuất bao gồm đối tượng lao động và công cụ lao động, trong đó công cụ lao động là yếu tố động nhất, luôn đổi mới theo tiến trình phát triển khách quan của sản xuất vật chất.

→ *Ý nghĩa phương pháp luận*: để phát huy hiệu quả của phương thức sản xuất mới, bên cạnh việc đầu tư, trang bị máy móc công cụ hiện đại, phải không ngừng nâng cao trình độ tay nghề, ý thức tổ chức kỷ luật của người lao động phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của quá trình sản xuất hiện nay.

*Quan hệ sản xuất* là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, là mặt xã hội của phương thức sản xuất.

Quan hệ sản xuất bao gồm: quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất; quan hệ trong quá trình tổ chức quản lý và phân công lao động; quan hệ trong phân phối sản phẩm lao động.

→ Ba mặt đó có quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất đóng vai trò quyết định các mối quan hệ khác. Quá trình sản xuất hiện nay đang biến đổi nhanh chóng, vì vậy cần chú ý đổi mới quá trình tổ chức, quản lý, phân công lao động phù hợp, công khai minh bạch trong phân phối là những động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

+ *Phương thức sản xuất quyết định tính chất của xã hội*. Xã hội là do những con người với các hoạt động của mình tạo ra. Nhưng con người không thể tùy ý lựa chọn chế độ xã hội cho mình. Sự ra đời một chế độ xã hội trong lịch sử do yếu tố hoàn toàn khách quan là phương thức sản xuất quyết định.

+ *Phương thức sản xuất quyết định tổ chức kết cấu của xã hội*. Tổ chức kết cấu của xã hội bao gồm các tổ chức kinh tế, quan điểm tư tưởng, giai cấp, đảng phái, nhà nước, thiết chế xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Mỗi phương thức sản xuất khác nhau sinh ra một kiểu tổ chức kết cấu xã hội khác nhau.

+ *Phương thức sản xuất quyết định sự chuyển hoá của xã hội loài người* qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Lịch sử xã hội loài người là lịch sử phát triển của các phương thức sản xuất.

Khi phương thức sản xuất cũ mất đi, phương thức sản xuất mới ra đời thì chế độ xã hội cũ mất theo và chế độ xã hội mới sẽ ra đời.

Loài người đã trải qua năm phương thức sản xuất, tương ứng với nó là năm chế độ xã hội là chế độ cộng sản nguyên thủy, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa và cuối cùng là chế độ cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa).

- *Ý nghĩa phương pháp luận:*

+ Khi nghiên cứu mọi hiện tượng xã hội phải đi tìm nguồn gốc phát sinh từ phương thức sản xuất, từ tất yếu kinh tế.

+ Nhận thức đúng vai trò của phương thức sản xuất trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với kinh tế tri thức.

#### ❖ ***Những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển xã hội***

\* *Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*

*Khái niệm lực lượng sản xuất* (đọc phần PTSX)

*Khái niệm quan hệ sản xuất* (đọc phần PTSX)

- *Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất*

+ Trong mỗi phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất gắn bó hữu cơ với nhau. Lực lượng sản xuất là nội dung vật chất, quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của phương thức sản xuất.

+ Mỗi quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mối quan hệ nội dung và hình thức của quá trình sản xuất. Lực lượng sản xuất như thế nào về trình độ thì quan hệ sản xuất phù hợp như thế ấy. Khi trình độ lực lượng sản xuất thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo. Do con người luôn tích lũy sáng kiến và kinh nghiệm, luôn cải tiến công cụ và phương pháp sản xuất nên lực lượng sản xuất luôn phát triển.

Ngày nay, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức kinh tế tri thức phát triển đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

+ Lực lượng sản xuất phát triển đến mức độ nào đó mà quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa nó sẽ cản trở hoặc mâu thuẫn gay gắt với lực lượng sản xuất. Để tiếp tục phát triển, lực lượng sản xuất phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ mới của lực lượng sản xuất.

- *Vai trò tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất*

+ Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất thì nó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Quan hệ sản xuất không phù hợp thì nó kìm hãm, thậm chí phá vỡ lực lượng sản xuất.

+ Quan hệ sản xuất là phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất khi nó tạo ra những tiền đề, những điều kiện cho các yếu tố của lực lượng sản xuất (người lao động, công cụ, đối tượng lao động) phát triển và đưa lại năng suất lao động cao.

+ Sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất không phải chỉ thực hiện một lần là xong mà diễn ra cả một quá trình. Mỗi khi sự phù hợp quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất bị phá vỡ là mỗi lần điều chỉnh, thay thế bằng sự phù hợp khác cao hơn.

- *Ý nghĩa phương pháp luận:*

+ Muốn xã hội phát triển, tiến bộ phải phát triển sản xuất ra của cải vật chất.

+ Để phát triển sản xuất phải thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Phải ứng dụng những công cụ lao động tiên tiến vào sản xuất, không ngừng nâng cao trình độ, kỹ năng của người lao động.

+ Phải làm rõ các quan hệ sở hữu, cách thức tổ chức quản lý quá trình sản xuất và các hình thức phân phối phù hợp thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển không ngừng.

\* *Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng*

- *Cơ sở hạ tầng* là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, bao gồm quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất còn lại của hình thái kinh tế - xã hội trước và quan hệ sản xuất của hình thái kinh tế - xã hội tương lai.

Cơ sở hạ tầng có tính giai cấp.

- *Kiến trúc thượng tầng* là toàn bộ những quan điểm tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, triết học... và những thiết chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các tổ chức quần chúng..., được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định và phản ánh cơ sở hạ tầng đó.

Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng có đặc trưng, quy luật vận động và mối liên hệ riêng với cơ sở hạ tầng và liên hệ tác động lẫn nhau.

Trong xã hội có giai cấp, kiến trúc thượng tầng có tính chất giai cấp.

- Cơ sở hạ tầng thế nào thì hình thành kiến trúc thượng tầng tương ứng.

Khi cơ sở hạ tầng biến đổi, kiến trúc thượng tầng biến đổi theo. Biến đổi cơ sở hạ tầng, sớm hay muộn cũng dẫn tới biến đổi kiến trúc thượng tầng. Cơ sở hạ tầng cũ mất đi, cơ sở hạ tầng mới ra đời, sớm hay muộn kiến trúc thượng tầng cũ cũng mất đi và kiến trúc thượng tầng mới ra đời.

- Kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối. Nó tác động trở lại, bảo vệ cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó.

Kiến trúc thượng tầng là tiên tiến có tác động thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển. Kiến trúc thượng tầng bảo thủ, lạc hậu sẽ tác động kìm hãm nhất thời sự phát triển cơ sở hạ tầng.

Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng theo hình thức và mức độ khác nhau, trong đó nhà nước có vai trò quan trọng và có hiệu lực mạnh nhất vì nhà nước là công cụ bạo lực, hiệu quả của giai cấp thống trị xã hội.

- *Ý nghĩa phương pháp luận*: Kinh tế quyết định chính trị, muốn hiểu các hiện tượng, quá trình xã hội phải xem xét cơ sở kinh tế nảy sinh các hiện tượng xã hội đó. Nhưng chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, có khả năng thúc đẩy, phát triển kinh tế.

## **1.2.2. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin**

### **1.2.2.1. Học thuyết giá trị**

#### **❖ Nội dung cơ bản của học thuyết**

- Học thuyết giá trị là xuất phát điểm trong toàn bộ lý luận kinh tế của C. Mác. Bằng việc phân tích hàng hoá, Mác vạch ra quan hệ giữa người với người thông qua quan hệ trao đổi hàng hoá, đó chính là lao động, cơ sở của giá trị hàng hoá.

- *Hàng hoá* là sản phẩm của lao động, dùng để thoả mãn những nhu cầu nhất định của con người thông qua trao đổi mua bán.

Hàng hoá có hai thuộc tính cơ bản:

+ *Giá trị sử dụng* của hàng hoá là công dụng của hàng hoá để thoả mãn nhu cầu nào đó của con người. Giá trị sử dụng đó do thuộc tính tự nhiên của vật thể hàng hoá và lao động của người sản xuất ra nó quyết định. Trong kinh tế hàng hoá, giá trị sử dụng là cái mang giá trị trao đổi.

Giá trị trao đổi là một tỷ lệ theo đó những giá trị sử dụng loại này được trao đổi với những giá trị sử dụng loại khác. Ví dụ một mét vải đổi được 10kg thóc.

+ *Giá trị* của hàng hoá là lượng lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá.

Giá trị của hàng hoá được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết.

Lượng giá trị cá biệt của hàng hoá mà từng người sản xuất ra là khác nhau do điều kiện sản xuất, trình độ tay nghề không giống nhau, nên thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hoá của họ khác nhau. Do đó, khi trao đổi hàng hoá, không thể căn cứ vào giá trị cá biệt của hàng hoá mà phải căn cứ vào giá trị xã hội của nó, tức là vào lượng lao động xã hội cần thiết hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá đó.

*Thời gian lao động xã hội cần thiết* là thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hoá trong điều kiện bình thường của xã hội, tức là với một trình độ kỹ thuật trung bình và cường độ lao động trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định.

- Thời gian lao động xã hội cần thiết phụ thuộc vào năng suất lao động xã hội và mức độ phức tạp của lao động:

+ Năng suất lao động xã hội là năng lực sản xuất của lao động được tính bằng số lượng sản phẩm được sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

Năng suất lao động tỷ lệ nghịch với thời gian lao động xã hội để sản xuất ra hàng hoá hay tỷ lệ nghịch với giá trị của hàng hoá.

+ Theo mức độ phức tạp của lao động có thể chia lao động thành lao động giản đơn và lao động phức tạp. Giá trị của hàng hoá tỷ lệ thuận với mức độ phức tạp của lao động.

❖ **Tiền tệ:** Sự phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hoá tất yếu sẽ dẫn đến sự xuất hiện của tiền tệ. Giá trị của hàng hoá biểu hiện ra bên ngoài dưới hình thức tiền tệ là giá cả của hàng hoá đó.

❖ **Quy luật giá trị:**

- Là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Ở đâu có sản xuất hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị. Theo quy luật giá trị sản xuất và trao đổi hàng hoá phải theo nguyên tắc ngang giá, dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết.

- Giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị, nên trước hết giá cả phụ thuộc vào giá trị. Hàng hoá nào nhiều giá trị thì giá cả của nó sẽ cao và ngược lại.

Tuy nhiên trên thị trường, ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như cạnh tranh, cung cầu, sức mua của người tiêu dùng... Tuy nhiên nó hoàn toàn nằm trong cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

- Ý nghĩa của học thuyết

+ Nghiên cứu học thuyết giá trị, hiểu rõ quy luật giá trị sẽ cho ta kiến thức quyết định tiến hành hay không tiến hành sản xuất một hàng hoá nào đó.

+ Khi đã thực hiện sản xuất hàng hoá phải luôn cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất,

tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm,... thúc đẩy sản xuất phát triển.

+ Hiểu rõ nguyên nhân của việc lựa chọn tự nhiên và phân hoá xã hội thành người giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội để có phương hướng, giải pháp khắc phục.

1.2.2.2. Học thuyết giá trị thặng dư

\* Nội dung cơ bản của học thuyết

- Học thuyết giá trị thặng dư là học thuyết giữ vị trí “hòn đá tảng” trong toàn bộ học thuyết kinh tế của Mác, là đóng góp vĩ đại của ông trong lịch sử tư tưởng nhân loại.

- Sản xuất hàng hoá phát triển đến một mức độ nhất định thì tiền biến thành tư bản.

+ Công thức của lưu thông hàng hoá giản đơn là:

$H - T - H$ , nghĩa là bán một hàng hoá đi để mua một hàng hoá khác.

+ Công thức chung của tư bản là:

$T - H - T$ , nghĩa là mua để bán nhằm có thêm lợi nhuận ( $T' > T$ ). Phần tăng thêm đó của giá trị được Mác gọi là giá trị thặng dư và biến tiền thành *tư bản*. Sửa lại

là: mà hình thái biểu hiện của nó là lợi nhuận

- Giá trị thặng dư không thể do lưu thông mà có, vì lưu thông hàng hóa chỉ là việc trao đổi ngang giá (chịu sự chi phối bởi quy luật giá trị). Muốn có giá trị thặng dư, người có tiền phải tìm ra được trên thị trường một loại hàng hoá đặc biệt: *hàng hoá sức lao động*.

+ Sức lao động là toàn bộ những năng lực (thể lực và trí lực) tồn tại trong một con người và được người đó sử dụng vào sản xuất hàng hoá.

+ Sức lao động chỉ trở thành hàng hoá khi người có sức lao động hoàn toàn tự do về thân thể có toàn quyền bán sức lao động của mình trong một thời gian nhất định; khi họ bị tước đoạt mọi tư liệu sản xuất, để sống họ buộc phải bán sức lao động của mình.

- Hàng hoá sức lao động cũng có thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng:

+ *Giá trị hàng hoá sức lao động* là toàn bộ những tư liệu sinh hoạt cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động. Giá trị hàng hoá sức lao động bao gồm: giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết đủ để duy trì sức khoẻ của người lao động ở trạng thái bình thường; chi phí đào tạo tùy theo tính chất phức tạp của lao động; giá trị tư liệu sinh hoạt cho những người thay thế, tức con cái của công nhân. Trên thực tế, giá trị của hàng hoá sức lao động được thể hiện bằng tiền công, tiền lương. Tiền công hay tiền lương chỉ là sự biểu thị bằng tiền giá trị sức lao động, hay là giá cả của sức lao động.

+ *Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động* thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng sức lao động để sản xuất ra một loại hàng hoá nào đó. Trong quá trình lao động, sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó, phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động là giá trị thặng dư.

Trên thực tế, nhà tư bản chiếm đoạt phần giá trị dôi ra (giá trị thặng dư), đó cũng là nguồn gốc lợi nhuận, nguồn gốc giàu có của chủ tư bản. Đây chính là nội dung căn bản nhất của học thuyết giá trị thặng dư .

- Mục đích của các nhà tư bản là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa. Họ thường sử dụng hai phương pháp chủ yếu:

+ Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối do kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi. Ví dụ các nhà tư bản thường sử dụng các biện pháp như kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động, giảm tiền công...

+ Sản xuất giá trị thặng dư tương đối do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động xã hội, nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động vẫn như cũ. Biện pháp mà các nhà tư bản thường dùng là áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động xã hội để thu nhiều giá trị thặng dư.

- Sản xuất ra giá trị thặng dư là quy luật tuyệt đối, là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nội dung của nó là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa bằng

cách tăng cường bóc lột công nhân làm thuê.

Do ưu thế của sản xuất đại công nghiệp, do khoa học và công nghệ ngày càng hiện đại, để thu giá trị thặng dư ngày càng lớn hơn các nhà tư bản phải tăng cường tích lũy tư bản.

Tính chất xã hội hoá của sản xuất ngày càng cao mâu thuẫn gay gắt với quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị bóc lột càng nhiều hơn. Do đó, cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản tất yếu sẽ bùng nổ.

*\* Ý nghĩa của học thuyết*

- Học thuyết giá trị thặng dư đã bóc trần bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột tư bản chủ nghĩa là tất yếu.

- Học thuyết giá trị thặng dư còn trang bị cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động công cụ nhận thức các quy luật kinh tế, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều hàng hoá... phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

- Học thuyết giá trị thặng dư là biểu hiện mẫu mực nghiên cứu và vận dụng quan điểm duy vật lịch sử vào sự phân tích các quá trình kinh tế trong xã hội tư bản. Nó cung cấp tri thức về lịch sử phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, là cơ sở khoa học để phân tích nguyên nhân và dự báo chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội.

*1.2.2.3. Về chủ nghĩa tư bản độc quyền*

**❖ Đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền**

Đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền với 5 đặc điểm kinh tế cơ bản:

*Một là, sự tập trung sản xuất và tư bản hình thành các tổ chức độc quyền.*

- Sự tích tụ và tập trung tư bản đã dẫn tới sự tích tụ và tập trung sản xuất, đến một mức độ nhất định sẽ hình thành các tổ chức độc quyền.

- *Tổ chức độc quyền* là liên minh giữa các nhà tư bản để nắm trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hoá nào đó nhằm thu lợi nhuận cao. Do nắm giữ việc sản xuất phần lớn một số hàng hóa nào đó, tư bản độc quyền quyết định được giá rẻ khi mua nguyên nhiên liệu và giá cao khi bán.

*Hai là, hình thành tư bản tài chính và đầu sỏ tài chính.*

- Sự tích tụ và tập trung tư bản dẫn đến sự ra đời của các tổ chức độc quyền trong công nghiệp, cũng như các tổ chức độc quyền ngân hàng. Do nắm được lượng tư bản tiền tệ lớn, các ngân hàng có khả năng chi phối nhiều hoạt động kinh tế- xã hội.

- *Tư bản tài chính* là loại tư bản được hình thành trên cơ sở xâm nhập lẫn nhau giữa tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng. Nó có khả năng thao túng đời sống

kinh tế - chính trị ở các nước.

*Ba là, xuất khẩu tư bản*

- Đây là thủ đoạn để các nhà tư bản ở các nước phát triển tiến hành bóc lột sức lao động, tài nguyên thiên nhiên,... ở các nước chậm phát triển, với mục đích bóc lột giá trị thặng dư và một số nguồn lợi khác ở các nước nhập khẩu tư bản.

- Xuất khẩu tư bản dưới hình thức đầu tư nhà máy, xí nghiệp tổ chức sản xuất (đầu tư trực tiếp) hoặc cho vay (đầu tư gián tiếp)..

*Bốn là, sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền.*

- Do nhu cầu thị trường, nguyên liệu ngoài nước và sự giành giật nhau lợi nhuận nên giữa các nước tư bản diễn ra cuộc cạnh tranh gay gắt.

- Các tổ chức độc quyền thoả thuận liên minh với nhau thành những tổ chức độc quyền quốc tế nhằm phân chia thị trường thế giới, độc chiếm nguồn nguyên liệu, quy định quy mô sản xuất, định ra giá cả độc quyền nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

*Năm là, sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc*

- Đây là hệ quả tất yếu của sự phân chia thế giới về kinh tế, biểu hiện ở việc các nước đế quốc xâm chiếm những nước chậm phát triển hòng độc chiếm nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ hàng hoá và địa điểm lập căn cứ quân sự.

- Phương pháp phổ biến là tổ chức chiến tranh để phân chia lại thị trường thế giới.

*Kết luận:* Sự xuất hiện chủ nghĩa tư bản độc quyền không làm thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản. Đây chỉ là một giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, nó vẫn dựa trên chế độ sở hữu tư nhân tư liệu sản xuất, bóc lột sức lao động của người công nhân, thu lợi nhuận độc quyền cao.

Quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đã làm cho lực lượng sản xuất phát triển

mạnh mẽ. Cùng với quá trình đó là quá trình giải phóng sức lao động, nâng cao hiệu quả khám phá và chinh phục thiên nhiên của con người.

❖ ***Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa tư bản độc quyền***

Chủ nghĩa tư bản độc quyền thúc đẩy nền sản xuất hàng hoá phát triển đạt tới mức điển hình trong lịch sử sản xuất của nhân loại. Sự phát triển cả về chiều rộng, chiều sâu đã dẫn đến phân công lao động xã hội, sản xuất tập trung với quy mô hợp lý. Quá trình sản xuất được liên kết và phụ thuộc lẫn nhau thành hệ thống. Sản xuất độc quyền góp phần xây dựng tác phong công nghiệp, thay đổi thói quen của người sản xuất nhỏ, hoàn thiện hơn một bước nền dân chủ tư sản so với trước.

*Tuy nhiên*, chủ nghĩa tư bản độc quyền gắn với quá trình bóc lột chiếm lợi nhuận cao. Các mâu thuẫn xã hội vốn có trong xã hội tư bản không những không khắc phục nổi mà càng gay gắt hơn. Sự cạnh tranh kinh tế quyết liệt giữa các nước tư bản với nhau, các nước tư bản với các nước đang phát triển là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến xung đột và chiến tranh đe dọa hòa bình và ổn định của nhân dân toàn thế

giới.

### **1.2.3. Lý luận về chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin**

#### **1.2.3.1. Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

##### **❖ Định nghĩa giai cấp công nhân**

- Ph. Ăngghen định nghĩa: *“Giai cấp vô sản là một giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ kiếm sống bằng việc bán lao động của mình, chứ không phải kiếm sống bằng lợi nhuận của bất cứ tư bản nào... Nói tóm lại, giai cấp vô sản hay giai cấp những người vô sản là giai cấp lao động trong thế kỷ XIX”*

- V.I. Lênin bổ sung, giai cấp công nhân sau cách mạng vô sản, giành được chính quyền đã trở thành người chủ, lãnh đạo nhân dân lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Đảng ta định nghĩa: *“Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp”.*

##### **❖ Đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân**

- Thứ nhất, về phương thức lao động

Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động, trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, có tính chất xã hội hoá cao.

- Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa

Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, người công nhân không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống.

Ngày nay, giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển đã có những thay đổi. Một bộ phận công nhân đã có cổ phần trong xí nghiệp, có một phần tư liệu sản xuất nhỏ... Tuy nhiên, trên thực tế đa số giai cấp công nhân vẫn là người làm thuê, bán sức lao động mang lại giá trị thặng dư cho các nhà tư bản.

##### **❖ Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

- Về địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa

+ Giai cấp công nhân là sản phẩm của sản xuất công nghiệp hiện đại, đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiên bộ và ngày càng phát triển

+ Giai cấp công nhân có lợi ích căn bản đối lập với lợi ích của giai cấp tư sản. Nguyên vọng và lợi ích căn bản của giai cấp công nhân là xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, giành lấy chính quyền, tổ chức xây dựng chế độ mới với chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

+ Do sống sống tập trung nên giai cấp công nhân có điều kiện đoàn kết với nhau trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. Lợi ích của công nhân về cơ bản là phù hợp với lợi ích của quần chúng lao động nên giai cấp công nhân có thể là lực lượng trung tâm, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai

cấp tư sản để giải phóng mình và toàn xã hội.

- *Về đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân*

+ Do địa vị kinh tế - xã hội khách quan, giai cấp công nhân có những đặc điểm chính trị- xã hội mà các giai cấp khác không thể có được.

*Thứ nhất*, giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất hiện đại nhất, gắn với khoa học và công nghệ tiên tiến - xu hướng của xã hội tương lai.

*Thứ hai*, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để. Triệt để trong sản xuất và trong đấu tranh.

*Thứ ba*, giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao

*Thứ tư*, giai cấp công nhân có tinh thần quốc tế vô sản vì mục đích của họ không chỉ là giải phóng mình mà còn giải phóng toàn bộ xã hội; vì chủ nghĩa tư bản là một lực lượng quốc tế. Muốn chiến thắng nó, cần phải có sự đoàn kết quốc tế.

❖ ***Tất yếu và quy luật hình thành chính đảng của giai cấp công nhân***

- Sự thất bại của các cuộc đấu tranh tự phát quy mô lớn của giai cấp công nhân thế giới những năm 30 - 40 thế kỷ XIX đòi hỏi phải có lý luận dẫn đường.

- Quy luật chung ra đời chính đảng của giai cấp công nhân: Sự kết hợp chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân

Đảng Cộng sản là đảng kiểu mới của giai cấp công nhân được xây dựng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, là tổ chức chặt chẽ, bao gồm những người tiên tiến về mặt nhận thức và gương mẫu về mặt hành động trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

*Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam* là thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

1.2.3.2. *Cách mạng xã hội chủ nghĩa và tiến trình ra đời, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa*

❖ ***Cách mạng xã hội chủ nghĩa***

- *Cách mạng xã hội chủ nghĩa* là cuộc cách mạng chính trị do giai cấp công nhân lãnh đạo giành chính quyền, thiết lập và lãnh đạo hệ thống chính trị của mình để cải tạo xã hội cũ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

- *Nguyên nhân sâu xa của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa* là do mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất mang tính xã hội hoá cao với tính chất tư nhân tư bản chủ nghĩa dưới chủ nghĩa tư bản.

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa còn duy trì thì nguyên nhân của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa vẫn còn tồn tại.

- *Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa*

+ Giai cấp công nhân là người lãnh đạo, là lực lượng chủ yếu quyết định thắng

lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Nông dân là lực lượng đông đảo, trở thành động lực to lớn trong cách mạng.

+ Thực hiện liên minh công nông, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân là điều kiện cơ bản để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình là làm cách mạng thành công, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

- *Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa*

+ *Trên lĩnh vực chính trị:*

Giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, dùng bạo lực cách mạng xoá bỏ bộ máy nhà nước của giai cấp bóc lột, giành chính quyền về tay mình.

Có Đảng cộng sản lãnh đạo, giai cấp công nhân xây dựng bộ máy nhà nước, đoàn thể chính trị- xã hội của mình; xây dựng hệ thống pháp luật, cơ chế, biện pháp quản lý xã hội, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng chế độ chính trị của xã hội mới - xã hội chủ nghĩa.

+ *Trên lĩnh vực kinh tế:*

Phát triển kinh tế, tiến hành công nghiệp hoá, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội; xây dựng quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất; xây dựng quyền làm chủ của người lao động đối với tư liệu sản xuất; cải thiện đời sống nhân dân.

+ *Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá:*

Giáo dục hệ tư tưởng Mác - Lênin, xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa với đạo đức lối sống mới; nền giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ mới; phát triển văn học nghệ thuật, thông tin đại chúng và các thiết chế văn hoá xã hội chủ nghĩa; tiếp thu tinh hoa văn hoá tiên tiến của thời đại, kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

**❖ *Tiến trình ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa***

\* *Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội*

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao. Giai đoạn đầu là xã hội chủ nghĩa, giai đoạn cao là cộng sản chủ nghĩa. Trước khi đến từng giai đoạn đó là thời kỳ quá độ biến đổi từ xã hội trước sang xã hội sau.

- *Tính tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội*

+ Để chuyển biến từ xã hội cũ sang xã hội chủ nghĩa cần có thời kỳ nhất định để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

+ Chủ nghĩa xã hội dựa trên lực lượng sản xuất phát triển cao, có năng suất hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Muốn vậy cần phải có thời gian để cải tạo nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa phát triển thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa;

+ Xây dựng xã hội mới là một công việc mới mẻ, chưa có tiền lệ; nhiều khó khăn và phức tạp đối với giai cấp công nhân. Đòi hỏi phải có thời gian để thực hiện.

- *Đặc điểm của thời kỳ quá độ*

+ Về chính trị, tiếp diễn cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản vừa bị đánh bại, các lực lượng chống phá trong, ngoài nước với giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

+ Về kinh tế, còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, vừa thống nhất vừa cạnh tranh với nhau.

+ Về xã hội, tồn tại đan xen những yếu tố của xã hội cũ và những nhân tố của xã hội mới. Cái cũ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội chưa xoá bỏ hết, cái mới được xây dựng chưa đầy đủ, còn non yếu.

+ Về tư tưởng văn hoá, tồn tại tư tưởng của giai cấp bóc lột vừa bị đánh đổ, tư tưởng tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông, các yếu tố văn hoá cũ và mới, tồn tại đan xen ảnh hưởng lẫn nhau.

- *Nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

+ *Trong lĩnh vực kinh tế:*

Phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hoá để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội với những bước đi hình thức thích hợp.

Từng bước cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới trên cơ sở của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

+ *Trong lĩnh vực chính trị:*

Xây dựng củng cố nhà nước vô sản, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân;

Xây dựng Đảng cộng sản trong sạch vững mạnh đủ sức lãnh đạo cách mạng;

Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch. Đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực.

+ *Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá:*

Xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, kế thừa tinh hoa văn hoá dân tộc, tiếp thu có chọn lọc giá trị văn hoá nhân loại; khắc phục những tư tưởng và tâm lý ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ *Trong lĩnh vực xã hội:*

Khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội; từng bước xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

*\*Về xã hội xã hội chủ nghĩa*

Đây là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, là xã hội có những đặc trưng cơ bản:

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền đại công nghiệp ở trình độ cao, tạo ra năng suất lao động cao hơn hẳn năng suất lao động trong xã hội tư bản.

- Có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; không còn chế độ người bóc lột

người.

- Cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động trên tinh thần tự giác, tự nguyện.
- Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và phân phối theo phúc lợi xã

hội

- Là xã hội dân chủ, Nhà nước có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, phát triển toàn diện.

\* *Về xã hội cộng sản chủ nghĩa*

Chủ nghĩa Mác - Lênin dự báo về xã hội cộng sản chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản là:

- Lực lượng sản xuất phát triển rất cao, của cải xã hội trở nên dồi dào, khoa học phát triển, lao động trở thành nhu cầu của con người.

- Phân phối theo nguyên tắc “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”.

- Con người có đầy đủ các điều kiện phát triển năng lực toàn diện.

- Trình độ xã hội ngày càng phát triển, không còn sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

- Dân chủ phát triển ở mức độ cao. Những thiết chế chính trị và pháp luật sẽ hoàn toàn mất đi, nhà nước trở thành không cần thiết, nó tự tiêu vong.

### **1.3. Vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin và ý nghĩa học tập chủ nghĩa Mác - Lênin**

#### **1.3.1. Vai trò của chủ nghĩa Mác- Lênin**

Chủ nghĩa Mác - Lênin gồm ba bộ phận Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Mỗi bộ phận đóng vai trò khác nhau trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội con người.

*Triết học Mác - Lênin* là thế giới quan và phương pháp luận, là vũ khí lý luận sắc bén giúp giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh xoá bỏ chế độ áp bức bóc lột, xây dựng thành công xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

*Kinh tế chính trị Mác - Lênin* đóng vai trò là chìa khóa để nhận thức lịch sử phát triển của sản xuất vật chất nói chung, là cơ sở khoa học để nhận thức, đề ra và thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng.

*Chủ nghĩa xã hội khoa học* trang bị, rèn luyện cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động bản lĩnh chính trị vững vàng, tư tưởng và lập trường cách mạng trong đấu tranh giành chính quyền và trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

#### **1.3.2. Ý nghĩa học tập chủ nghĩa Mác - Lênin**

Học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin giúp chúng ta từng bước xây dựng và hình thành thế giới quan khoa học, có phương pháp tiếp thu một cách hiệu quả lý luận mới, những thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại, có niềm tin vào sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, có cơ sở khoa học chống lại tư tưởng lạc hậu, phản động.

Hiểu và nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, mỗi người có điều kiện hiểu rõ mục

đích, con đường, lực lượng, cách thức bước đi của sự nghiệp giải phóng con người. Có cách nhìn xa trông rộng, chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục chủ nghĩa giáo điều, máy móc, tư tưởng nôn nóng đốt cháy giai đoạn và các sai lầm khác.

Học tập các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin giúp học sinh trung cấp chuyên nghiệp có động cơ học tập đúng đắn, thái độ nghiêm túc trong rèn luyện đạo đức công dân, ý thức nghề nghiệp của người lao động tương lai.

### CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày những tiền đề hình thành chủ nghĩa Mác.*
- 2. Trình bày nội dung và phân tích ý nghĩa của định nghĩa vật chất của Lênin.*
- 3. Trình bày vai trò của thực tiễn và ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu lý luận này.*
- 4. Trình bày nội dung và ý nghĩa của hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật.*
- 5. Trình bày nội dung chủ yếu của các quy luật của phép biện chứng duy vật.*
- 6. Phân tích lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất và các giai đoạn của nhận thức.*
- 7. Trình bày nội dung cơ bản của các quy luật vận động, phát triển xã hội*
- 8. Trình bày nội dung và phân tích ý nghĩa học thuyết giá trị của chủ nghĩa Mác?*
- 10. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa học thuyết giá trị thặng dư của chủ nghĩa Mác?*
- 11. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa học thuyết chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin?*
- 12. Phân tích đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và liên hệ với thực trạng của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?*
- 13. Trình bày tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Liên hệ làm rõ những thuận lợi và khó khăn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?*
- 14. Mỗi học sinh trung cấp chuyên nghiệp cần làm gì và như thế nào để nhận thức đúng về chủ nghĩa Mác - Lênin?*

## Chương 2 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

### 2.1. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

#### 2.1.1. Khái niệm và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1.1. Khái niệm Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *"Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi"*

→ Định nghĩa đã làm rõ:

*Một là:* Khái quát được bản chất khoa học và cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh là "hệ thống các quan điểm lý luận toàn diện và sâu sắc những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam".

*Hai là:* Chỉ rõ nguồn gốc tư tưởng - lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

*Ba là:* Khẳng định giá trị to lớn và sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

#### 2.1.1.2. Hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh:

- Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người;
- Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội;
- Tư tưởng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;
- Tư tưởng về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc;
- Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân;
- Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa;
- Tư tưởng về đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư;
- Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau;
- Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân...

*Nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh* là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

#### 2.1.2. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

##### 2.1.2.1. Hoàn cảnh lịch sử

Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc nhỏ lấy tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19 - 5 - 1890, trong một gia đình trí thức phong kiến yêu nước tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước và thế giới có nhiều biến động.

*-Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX:*

+ Xã hội Việt Nam TK XIX cho đến khi Pháp xâm lược vẫn là một xã hội PK, nông nghiệp lạc hậu, trì trệ.

+ Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) đến cuối TK XIX, phong trào vũ trang kháng chiến chống Pháp rầm rộ bùng lên: Trương Định, Nguyễn Trung Trực...ở Nam Bộ; Đặng Như Mai, Phan Đình Phùng...ở miền Trung; Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích...ở miền Bắc. → Các cuộc nổi dậy lần lượt bị thất bại vì chưa có đường lối kháng chiến rõ ràng. Lãnh đạo là các sĩ phu văn thân mang ý thức hệ phong kiến, chưa thật sự tin vào lực lượng của nhân dân nên cũng chưa thật tin vào thắng lợi cuối cùng.

+ Đầu TK XX, sau khi tạm thời dập tắt được các cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân ta, thực dân Pháp bắt tay vào cuộc khai thác lần thứ nhất. → Xã hội Việt Nam bắt đầu có sự biến chuyển và phân hóa: Tầng lớp TTS và mầm mống của giai cấp TS xuất hiện. Phong trào yêu nước chống Pháp chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản (Đông Du; Đông Kinh Nghĩa Thục; Duy Tân; Việt Nam Quang phục hội...)

*- Bối cảnh quốc tế (thời đại):*

+ Chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn tư bản độc quyền (chủ nghĩa đế quốc).

+ Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi.

+ 3/1919 Quốc tế Cộng sản được thành lập.

+ 7/1920, báo Luymanite đăng *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I Lênin

+ 30/12/1920 bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Pháp.

*Kết luận*, Hoàn cảnh lịch sử ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự phát triển của tư tưởng yêu nước Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; là sự gặp gỡ giữa trí tuệ thiên tài của Hồ Chí Minh với trí tuệ thời đại - chủ nghĩa Mác – Lênin

#### 2.1.2.2. Những tiền đề tư tưởng - lý luận

*- Các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc*

+ Truyền thống yêu nước của gia đình, quê hương, dân tộc;

+ Ý chí độc lập, tự cường;

+ Đoàn kết, nhân ái, khoan dung;

+ Tinh thần lạc quan, cần cù, thông minh, sáng tạo...

→ Đây là tiền đề tư tưởng quan trọng của Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) khi rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước.

*-Tinh hoa văn hóa nhân loại*

+ Văn hóa phương Đông (Khổng Tử; Nho giáo; Phật giáo; chủ nghĩa tam dân...)

+ Văn hóa phương Tây (Thiên chúa giáo, tư tưởng tiên bộ trong cách mạng tư sản; phong cách làm việc dân chủ...).

-*Chủ nghĩa Mác - Lênin*

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin là một phần của tinh hoa văn hóa nhân loại → Đây là nguồn gốc chủ yếu, tạo ra bước ngoặt, bước phát triển về chất: Từ người yêu nước trở thành người cộng sản; Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản; Từ đấu tranh dân tộc đến đấu tranh giai cấp; Từ độc lập dân tộc đến chủ nghĩa xã hội.

+ Hồ Chí Minh tiếp thu và vận dụng có chọn lọc những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng khác.

+ Trong quá trình vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, Người đã có nhiều phát triển sáng tạo, làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

### 2.1.2.3. Các phẩm chất, năng lực của Hồ Chí Minh

- Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo cộng với sự nhận xét, phê phán tinh tường, sáng suốt.

- Sự khổ công học tập nhằm chiếm lĩnh vốn tri thức phong phú của nhân loại.

- Ý chí mãnh liệt và nghị lực phi thường trong thực hiện mục đích đã chọn.

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: nhân ái, bao dung, độ lượng, cần, kiệm, liêm, chính, giản dị...

→ Với những năng lực bẩm sinh, những phẩm chất cá nhân cao quý trên tạo nên những giá trị của nhân cách văn hóa kiệt xuất, đã quyết định việc Hồ Chí Minh tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hóa, phát triển những tinh hoa của dân tộc và thời đại thành tư tưởng đặc sắc, sáng tạo của mình.

### 2.1.3. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.3.1. Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước (Trước năm 1911).

-Thời kỳ chuẩn bị hành trang để đi tìm đường cứu nước: truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc; truyền thống tốt đẹp của gia đình, quê hương; chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị áp bức, bóc lột đến cùng cực của đồng bào mình; tận mắt nhìn thấy tội ác của thực dân Pháp và thái độ uơ hèn của bọn phong kiến Nam triều; Những bài học thất bại của các nhà yêu nước tiền bối và đương thời.

-Với sự nhạy cảm đặc biệt về chính trị, Hồ Chí Minh sớm nhận ra hạn chế của những người đi trước và đã tự định ra cho mình một hướng đi mới: phải tìm hiểu cho rõ bản chất của những từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái, phải đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, sẽ trở về giúp đồng bào mình.

2.1.3.2. Thời kỳ tìm được con đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin (1911 - 1920)

-Ngày 5 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc sang phương Tây

tìm đường cứu nước trên con tàu “Đô đốc Latusơ Torêvin”.

- Qua khảo sát thực tiễn ở nhiều nước tư bản châu Âu, châu Mỹ; tiếp xúc với nhiều tư tưởng tiên bộ; đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc, đó là đi theo cách mạng vô sản và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên khi tán thành Quốc tế Cộng sản.

2.1.3.3. Thời kỳ hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam (1921 - 1930)

- Từ năm 1921 đến năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã có những hoạt động thực tiễn và hoạt động lý luận hết sức phong phú, sôi nổi ở Pháp (1921 - 1923), Liên Xô (1923 - 1924), Trung Quốc (1924 - 1927), Thái Lan (1928 - 1929).

- Trong khoảng thời gian này, tư tưởng về cách mạng Việt Nam đã hình thành về cơ bản được thể hiện trong các tác phẩm như: Bản án chế độ thực dân Pháp; Cương lĩnh đầu tiên của Đảng và nhiều bài viết khác, với những nội dung:

- + Xác định con đường của cách mạng thuộc địa;
- + Lực lượng tham gia cách mạng;
- + Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản;
- + Đối tượng cách mạng;
- + Phương pháp cách mạng;
- + Quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới...

2.1.3.4. Thời kỳ thử thách, khó khăn, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng (1930 - 1945)

- Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh gặp nhiều khó khăn, không được đánh giá đúng, có khi hiểu sai, nhưng Người vẫn kiên trì bảo vệ quan điểm của mình:

- + Về vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp,
- + Về cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản.

- Hồ Chí Minh chuẩn bị mọi mặt để thực hiện thắng lợi cách mạng giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thắng lợi đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.1.3.5. Thời kỳ phát triển và hoàn thiện tư tưởng về cách mạng Việt Nam (1945 - 1969)

Thời kỳ này tư tưởng Hồ Chí Minh phát triển cả chiều rộng và chiều sâu nhằm giải quyết các vấn đề quan trọng của dân tộc Việt Nam:

- Tư tưởng kháng chiến gắn với kiến quốc;
- Xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân;
- Xây dựng Đảng cầm quyền;
- Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác với các nước...

## **2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh**

### **2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội**

#### **2.2.1.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn**

- Lý luận:

- + Giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.
- + Lý luận cách mạng không ngừng của C. Mác và V. I. Lênin.

-Thực tiễn:

- +Thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.
- +Thắng lợi của cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

### 2.2.1.2. Quan niệm về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

*\* Về độc lập dân tộc:*

- Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc.
- Độc lập dân tộc phải gắn liền với sự toàn vẹn lãnh thổ, với bình đẳng dân tộc.
- Độc lập dân tộc trong hòa bình, tự do.
- Độc lập phải đảm bảo cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho mọi người dân.

*\* Về chủ nghĩa xã hội*

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội:
- + Là chế độ xã hội mà sớm hay muộn các dân tộc sẽ đạt tới.
- + Chủ nghĩa xã hội là một trong hai giai đoạn và là giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa;
- + Bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa đối lập hoàn toàn với chế độ tư bản chủ nghĩa;

+ Quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình phát triển lâu dài.

- Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội:

- + Chế độ chính trị do nhân dân lao động là chủ và làm chủ;
- + Nền kinh tế phát triển cao, gắn với sự phát triển của khoa học – kỹ thuật; dựa trên chế độ sở hữu cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu; thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động;
- + Về xã hội không có người bóc lột người;
- + Có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước.

### 2.2.1.3. Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

*\* Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết, là tiền đề đi tới chủ nghĩa xã hội:*

- Độc lập dân tộc là khát vọng chân chính, to lớn của dân tộc Việt Nam.
- Khát vọng này đã hun đúc thành chủ nghĩa dân tộc chân chính, trở thành động lực to lớn của đất nước
- + Chủ nghĩa dân tộc bao gồm chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính.

+ Yêu nước được thể hiện ở tình cảm yêu Tổ quốc, yêu nhân dân và phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội.

*\* Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu hướng tới, cơ sở đảm bảo vững chắc độc lập dân tộc:*

- + Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng người lao động thoát khỏi áp bức, bất công.
- + Xây dựng chủ nghĩa xã hội làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người được

sung sướng, tự do → Ý nghĩa của nền độc lập dân tộc.

→ Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh và xuyên suốt đường lối cách mạng Việt Nam.

### **2.2.2. Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh**

#### **2.2.2.1. Vai trò và bản chất của Đảng**

- *Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước → Quy luật đặc thù.

- *Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam:*

+ Tập hợp, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân trong đấu tranh giành chính quyền và trong xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa.

+ Đảng đề ra đường lối, chiến lược, sách lược, phương pháp cách mạng đúng đắn.

- *Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam:*

+ Đảng cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân.

+ Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động Việt nam và của cả dân tộc.

#### **2.2.2.2. Sự cần thiết phải xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh**

- Sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo là một quá trình → Đảng phải tự chỉnh đốn, tự đổi mới để làm tròn trọng trách trước giai cấp và dân tộc.

- Cán bộ, đảng viên đều chịu ảnh hưởng, tác động của môi trường xã hội.

- Xây dựng, chỉnh đốn đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng.

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được tiến hành thường xuyên như “hàng ngày rửa mặt” để hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi và tẩy trừ mọi tệ nạn thoái hóa biến chất gây ra.

#### **2.2.2.3. Nội dung xây dựng Đảng**

\* *Xây dựng Đảng về tư tưởng - lý luận:* Hồ Chí Minh chỉ rõ, phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và những lưu ý trong việc tiếp nhận, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin:

- Phù hợp với đối tượng.

- Học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các Đảng Cộng sản khác. Đồng thời tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

\* *Xây dựng Đảng về chính trị:*

- Xây dựng đường lối chính trị.

- Đề ra cương lĩnh, đường lối chiến lược, sách lược, phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên.

- Cảnh báo nguy cơ sai lầm về đường lối chính trị.

*\* Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ*

- *Về tổ chức:*

+ Tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở (chi bộ) được tổ chức, có liên quan chặt chẽ với nhau và có tính kỷ luật cao.

+ Coi trọng vai trò của chi bộ.

+ Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng: Tập trung dân chủ; Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; Tự phê bình và phê bình; Kỷ luật nghiêm minh, tự giác; Đoàn kết thống nhất trong Đảng.

- *Về cán bộ, công tác cán bộ của Đảng:*

+ Nhận thức rõ vị trí, vai trò của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng → Người cán bộ phải đủ đức và tài, phẩm chất và năng lực (đức và phẩm chất là cái gốc).

+ Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ: Tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, đánh giá và thực hiện các chính sách đối với cán bộ.

*\* Xây dựng Đảng về đạo đức:*

- Đạo đức tạo nên uy tín, sức mạnh của Đảng, giúp Đảng đủ tư cách lãnh đạo, hướng dẫn nhân dân.

- Đạo đức của Đảng ta – Đạo đức cách mạng.

### **2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc**

#### **2.2.3.1. Về vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc**

*-Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, bảo đảm thành công của cách mạng:*

+ Cách mạng muốn thành công và thành công đến nơi, phải tập hợp được tất cả

mọi lực lượng có thể tập hợp, xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững → Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và lâu dài trong suốt tiến trình cách mạng.

+ Đoàn kết làm ra sức mạnh, là một lực lượng vô địch để khắc phục khó khăn, làm tròn nhiệm vụ nhân dân giao phó.

*-Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng:*

+ Đại đoàn kết dân tộc là đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cách mạng, là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng.

+ Đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách và hoạt động thực tiễn của Đảng.

+ Đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng và phải được cụ thể hóa thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử để lôi kéo, tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng.

### 2.2.3.2. Nội dung, hình thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

*\* Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân:*

- Đại đoàn kết dân tộc là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung → Đại đoàn kết toàn dân.

- Muốn xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa với tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người.

- Để thực hành đoàn kết rộng rãi cần có niềm tin vào nhân dân.

*\* Hình thức tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc:*

- Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Nguyên tắc xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất:

+ Dựa trên nền tảng liên minh công nông và lao động trí óc;

+ Đảm bảo lợi ích tối đa của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân;

+ Hiệp thương dân chủ;

+ Đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

### 2.2.4. Tư tưởng về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

#### 2.2.4.1. Về Nhà nước của dân, do dân, vì dân

*- Nhà nước của dân:*

+ Dân là chủ.

+ Là chủ thể của quyền lực → Cán bộ công chức chỉ là người được ủy quyền gánh vác, giải quyết những công việc chung của đất nước và là “đầy tớ”, “công bộc” của dân.

*- Nhà nước do dân:*

+ Nhân dân là người tổ chức ra các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương thông qua bầu cử, ứng cử và bãi miễn đại biểu cũng như các cơ quan nhà nước không phù hợp và đi ngược lại lợi ích của nhân dân.

+ Dân có trách nhiệm, nghĩa vụ đóng góp trí tuệ, sức người, sức của vào việc bảo vệ và phát triển đất nước.

+ Dân có quyền tham gia vào công việc quản lý nhà nước, phê bình, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng như đại biểu do mình cử ra.

*- Nhà nước vì dân:*

+ Nhà nước phục vụ nhân dân.

+ Nhà nước phải biết kết hợp, điều chỉnh các loại lợi ích khác nhau giữa các giai cấp, tầng lớp và các bộ phận dân cư.

+ Nhà nước phải thực sự liêm khiết, trong sạch, tránh quan liêu, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi.

#### 2.2.4.2. Về bản chất của Nhà nước

- Nhà nước Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân:

- + Nhà nước đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng Cộng sản;
- + Cơ sở xã hội của Nhà nước là khối đại đoàn kết dân tộc, nòng cốt là liên minh công - công - trí thức;
- + Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước theo nguyên tắc thống nhất giữa quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- + Nhà nước điều hành, quản lý xã hội bằng luật pháp XHCN.
- *Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước:*
- + Nhà nước dân chủ nhân dân không chỉ thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà còn thể hiện ý chí của nhân dân và của toàn dân tộc.
- + Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản.

#### 2.2.4.3. Về xây dựng bộ máy nhà nước và cán bộ công chức

- Xây dựng bộ máy nhà nước gọn , nhẹ có cơ cấu hợp lý, hoạt động có hiệu quả. Trong đó:
- + Quốc hội do nhân dân bầu ra, đại diện cho quyền lợi của toàn dân cả nước, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước.
- + Chính phủ là cơ quan hành pháp cao nhất, mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân.
- + Bộ máy tư pháp hoạt động tương đối độc lập, tuân thủ theo luật pháp.
- Xây dựng đội ngũ công chức vừa có đức, vừa có tài, có phong cách làm việc dân chủ. → Thực hiện quy chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng công chức.
- Cần đề phòng, khắc phục và đấu tranh loại trừ những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước như: Đặc quyền, đặc lợi; tham ô, lãng phí, quan liêu, chia rẽ, kiêu ngạo...
- Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng trong quản lý xã hội (kết hợp nhuần nhuyễn cả “đức trị” và “pháp trị”).

#### 2.2.5. Tư tưởng về văn hóa và đạo đức

##### 2.2.5.1. Về văn hóa

- Hồ Chí Minh nêu định nghĩa về văn hóa: *“Vĩ lễ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”*. → Quan niệm văn hóa theo nghĩa rộng, bao gồm hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần.
- Vị trí của văn hóa:

- + Văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội.
- + Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng.
- Chức năng của văn hóa:
  - + Bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp.
  - + Mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí.
  - + Bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh hướng con người đến chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân.
- Quan điểm xây dựng nền văn hóa mới mang tính dân tộc và khoa học (giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại).

#### 2.2.5.2. Về đạo đức

##### **\* Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức**

*- Vị trí, vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội và đời sống cá nhân:*

- + Đạo đức là gốc, là nền tảng của con người.
- + Đạo đức là vũ khí sắc bén trong cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới; là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người.
- + Đạo đức lấy hiệu quả thực tế làm thước đo → Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, trong đó *‘đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên; phẩm chất là gốc của năng lực’*.

*- Các chuẩn mực đạo đức cách mạng cơ bản:*

*+ Trung với nước, hiếu với dân:*

Trung với nước là trung thành với con đường mà dân tộc đã lựa chọn; yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội; trách nhiệm xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước.

Hiếu với dân là phải thương dân, tin dân, lấy dân làm gốc; quan tâm, chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân; đấu tranh để giải phóng nhân dân khỏi áp bức bất công.

*+ Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư:*

Cần; cần cù, siêng năng, chăm chỉ, dẻo dai; biết sắp xếp, phân công lao động hợp lý; lao động với năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả cao.

Kiệm: tiết kiệm, không lãng phí, không xa xỉ; tiết kiệm của mình, của công và tiết kiệm toàn diện.

Liêm: Liêm khiết, trong sạch, không tham lam địa vị, tiền của, danh tiếng.

Chính: Không tà, thẳng thắn, đứng đắn, trung thực, thật thà đối với mình, đối với người khác và đối với công việc.

Chí công vô tư: Công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị, nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

*+ Yêu thương con người:*

Yêu thương những người lao động nghèo khổ, bị bóc lột, áp bức và những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong xã hội (người già; phụ nữ; trẻ em...).

Quan tâm, chăm sóc mọi mặt đời sống con người và tạo điều kiện cho con

người phát huy hết tài năng, sáng tạo của mình;

Chiến đấu bảo vệ lương tri, phẩm giá làm người, giải phóng con người một cách triệt để.

Tôn trọng, thương yêu, giúp đỡ, ủng hộ các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bất công, chống sự thù hằn, phân biệt chủng tộc;

Xây dựng khối đại đoàn kết quốc tế.

*- Những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng:*

+ Nói đi đôi với làm, phải nêu gương đạo đức.

+ Xây đi đôi với chống, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi.

+ Tu dưỡng đạo đức suốt đời thông qua thực tiễn cách mạng.

**\* Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh:**

- Một là, học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

- Hai là, học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị, khiêm tốn.

- Ba là, học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và

hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người.

- Bốn là, học tấm gương về ý chí và nghị lực phi thường, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống.

- Năm là, học tấm gương tự học và học suốt đời.

## **2.3. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh**

### **2.3.1. Giá trị lý luận**

#### **2.3.1.1. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin**

- Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết cách mạng, khoa học và tiến bộ nhất trong thời đại ngày nay.

- Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam:

Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa Mác cần phải được bổ sung, vì:

+ Chủ nghĩa Mác được sản sinh trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân châu Âu.

+ Lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính sáng tạo, cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động.

+ Khi nghiên cứu, vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã mạnh dạn loại bỏ những gì không thích hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, dám đề xuất những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra và giải quyết một cách linh hoạt, khoa học và hiệu quả (vấn đề giải phóng dân tộc; sự ra đời của Đảng Công Sản Việt Nam; công nghiệp hóa...).

→ Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác phải tránh giáo điều, chỉ nên tiếp thu cái cốt

lỗi cũng như phương pháp và phải biết vận dụng phù hợp với thực tiễn cụ thể, cần tổng kết thực tiễn để phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

#### 2.3.1.2. Tài sản tinh thần to lớn, quý giá của dân tộc

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết tinh của tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại, góp phần giải quyết những vấn đề quan trọng của dân tộc cũng như của nhân loại đặt ra. Định hướng đúng đắn cho sự phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của dân tộc và thời đại, phản ánh khát vọng hướng tới xây dựng nền hòa bình, giành độc lập cho Tổ quốc, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho mỗi con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh còn là ngọn cờ tập hợp tất cả những lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, chủ nghĩa xã hội và tiến bộ của loài người.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh đã thấm sâu và phát huy tầm ảnh hưởng to lớn trong đời sống nhân dân, góp phần hình thành suy nghĩ, phong cách, lối sống của cả dân tộc ta.

#### 2.3.2. Giá trị thực tiễn

##### 2.3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã thực sự soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi từ những năm 30 của thế kỷ XX cho đến nay:

- Cách mạng giải phóng dân tộc (1930 - 1975).

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước (1975 - 1986).

##### 2.3.2.2. Định hướng đúng đắn cho việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của công cuộc đổi mới

- Kiên trì và giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Khai thác và phát huy các nguồn lực của dân tộc và thời đại nhằm phát triển đất nước.

- Xây dựng Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ.

- Chấn chỉnh lại đạo đức xã hội, thiết lập và thực hiện nghiêm những chuẩn mực đạo đức Hồ Chí Minh.

### CÂU HỎI ÔN TẬP

1/ Trình bày cơ sở hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh?

2/ Trình bày nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội?

3/ Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng?

4/ Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc?

5/ Trình bày nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân?

*6/ Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức cách mạng?*

*7/ Phân tích giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh?*

*8/ Học tư tưởng Hồ Chí Minh, em có thể rút ra những bài học nào bổ ích để tu dưỡng và rèn luyện cá nhân trong điều kiện hiện nay?*

### Chương 3

## ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

### 3.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

#### 3.1.1. Hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

##### 3.1.1.1. Tình hình thế giới

- Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó:

+ Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự giai đoạn do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

+ Các nước đế quốc đẩy mạnh xâm lược, bóc lột thuộc địa. → Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc bị áp bức ngày càng gay gắt, phong trào đấu tranh chống xâm lược diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

+ Mâu thuẫn giữa các đế quốc dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất ( 1914-1918) → nhân dân toàn thế giới hậu quả nặng nề.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin :

+ Lênin đã bảo vệ và phát triển học thuyết Mác trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

+ Sự phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển.

- *Thắng lợi của cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917*: mở ra thời đại cách mạng chống đế quốc và giải phóng dân tộc.

- *Quốc tế Cộng sản được thành lập (3-1919)*: thúc đẩy sự ra đời của các Đảng cộng sản ở một số nước, dẫn đến cao trào cách mạng thế giới ( 1919-1923), ảnh hưởng lớn đối với cách mạng Việt Nam.

- Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đã đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I Lênin và tìm thấy ở Luận cương này con đường cứu nước và giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc ( 10-1911), cuộc canh tân đất nước ở Nhật Bản cuối thế kỷ XIX... đã ảnh hưởng đến tư tưởng, thu hút sự quan tâm của nhiều người yêu nước Việt Nam.

##### 3.1.1.2. Tình hình trong nước

#### ❖ *Sự thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp*

- Năm 1858 thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Tháng 6-1884 với hiệp ước Patơnot, Pháp thiết lập sự thống trị trên toàn Việt Nam:

+ Về chính trị: Pháp thi hành chính sách cai trị trực tiếp ở Đông Dương. Thủ tiêu mọi quyền dân chủ, đàn áp, khủng bố mọi sự chống đối của nhân dân; thực hiện chính sách “ chia để trị”, duy trì triều đình phong kiến nhà Nguyễn và giai cấp địa chủ làm tay sai để đàn áp về chính trị, bóc lột về kinh tế đối với nhân dân.

+ Về kinh tế: thực dân pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất và lần thứ hai ở Đông Dương, điển hình là Việt Nam. Để thu lợi nhuận nhiều và nhanh, Pháp đầu tư có trọng điểm.

Trong nông nghiệp, tập trung vào việc lập các đồn điền; khai thác mỏ quí của ta;

Xây dựng ngành giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.

Độc quyền trong các hoạt động: ngoại thương, tài chính, đặt ra hàng trăm thứ thuế, thi hành rộng rãi chính sách cho vay nặng lãi.

→ *Kết quả*: nền kinh tế nước ta có sự phát triển ở mức độ nào đó theo hướng tư bản chủ nghĩa, nhưng là nền kinh tế thuộc địa, mất cân đối, phụ thuộc vào Pháp.

+ Về văn hóa: thực dân Pháp thực hiện chính sách nô dịch văn hóa,... mở nhà tù, trại giam nhiều hơn trường học; khuyến khích các hoạt động mê tín, các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, gây tâm lý tự ti dân tộc.

→ *Kết quả*: hơn 90% nhân dân ta bị mù chữ, bị bung bít mọi thông tin tiến bộ từ bên ngoài.

#### ❖ ***Sự thay đổi tính chất xã hội và cơ cấu giai cấp xã hội Việt Nam***

- Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, tính chất xã hội Việt Nam đã thay đổi:

+ Việt Nam từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

+ Xã hội Việt Nam bị phân hóa sâu sắc, bên cạnh các giai cấp cũ, nhiều giai tầng mới ra đời: giai cấp địa chủ, giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, giai cấp tư sản, giai cấp công nhân Việt Nam.

- Mỗi giai, tầng có thái độ chính trị khác nhau trước sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp. Đặc biệt là giai cấp công nhân Việt Nam, ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng. Đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân Việt Nam là ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, sớm tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhanh chóng trở thành một lực lượng chính trị độc lập.

- Trong xã hội Việt Nam tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản:

+ Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược (mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu);

+ Mâu thuẫn giữa nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

Giải quyết được hai mâu thuẫn này là đáp ứng được hai yêu cầu của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ đó là độc lập dân tộc và người cày có ruộng, trong đó độc lập dân tộc là yêu cầu cơ bản, chủ yếu nhất, nó phản ánh nguyện vọng bức thiết của cả dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

#### ❖ ***Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản***

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến:

+ Tiêu biểu là phong trào Cần Vương (1885 - 1896), kéo dài và quyết liệt nhất là cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884 - 1913). Ngoài ra, thời gian này còn có các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp như khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo (1885 - 1896); khởi nghĩa Ba Đình do Phạm Bành và Đinh Công Tráng tổ chức (1885 - 1886)... → đều thất bại.

+ Nguyên nhân thất bại các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến là do thiếu đường lối đúng đắn, chứng tỏ giai cấp phong kiến không đủ sức lãnh đạo phong trào yêu nước, giải quyết thành công nhiệm vụ dân tộc ở Việt Nam.

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản: đầu thế kỉ XX, chịu ảnh hưởng các cuộc cách mạng tư sản trên thế giới, phong trào yêu nước Việt Nam diễn ra sôi nổi theo hai khuynh hướng chính:

- Khuynh hướng bạo động vũ trang do Phan Bội Châu lãnh đạo với phong trào Đông Du (1906-1908).

- Khuynh hướng cải cách dân chủ (1906-1908) do Phan Châu Trinh tổ chức.

- Ngoài ra, trong thời kỳ này ở Việt nam còn nhiều phong trào đấu tranh khác như: Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907); phong trào biểu tình chống thuế ở Trung kỳ (1908), phong trào đấu tranh của Đảng Lập hiến (năm 1923); Đảng Thanh niên (tháng 3 – 1926); mạnh mẽ nhất là phong trào của Việt Nam quốc dân Đảng (1929-1930).

Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phản ánh tinh thần dân tộc của một bộ phận trí thức, tư sản Việt Nam nhưng tất cả đều thất bại. Nguyên nhân chính là do thiếu đường lối đúng đắn. Chứng tỏ giai cấp tư sản Việt Nam non yếu về địa vị kinh tế, chính trị, không đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

**Tóm lại:** Sự thất bại của các phong trào yêu nước theo theo khuynh hướng phong kiến và tư sản vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chứng tỏ cách mạng Việt Nam khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Yêu cầu bức thiết cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ là tìm ra con đường cứu nước đúng đắn với một giai cấp có đủ năng lực để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

❖ ***Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, chuẩn bị thành lập Đảng và phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.***

-Sơ lược về tiểu sử và quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Củng cố lại kiến thức đã học ở chương 2.

+ Tháng 7-1917, Người từ Anh trở về Pháp. Cùng với những người yêu nước Việt Nam, Người tham gia các hoạt động chính trị-xã hội, văn hóa Pháp và ủng hộ nước Nga Xô viết.

+ Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản “*Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*” của Lênin. Người tìm thấy trong Luận cương của Lênin lời giải đáp về con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác –Lênin.

+ Tại Đại hội Tua (12/1920) Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển về chất trong lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Đến đây Người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn. Người khẳng định: “*Muốn cứu nước phải giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”.

+ Chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng, Người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam:

Người sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa, cho xuất bản báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân* và đặc biệt là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925), tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Năm 1923 Người sang Liên Xô, tham gia nhiều Đại hội quốc tế và học tập nghiên cứu chủ nghĩa Mác- Lê nin.

Cuối 1924, Người trở về hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc. Tháng 6-1925, người thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, ra báo *Thanh niên*, mở nhiều lớp, trực tiếp giảng bài, huấn luyện phương pháp truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin và con đường cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ cách mạng Việt nam.

Những bài giảng của người được tập hợp thành tác phẩm “Đường cách mệnh”. Tác phẩm “*Đường cách mệnh*” đã chỉ rõ những vấn đề về chiến lược của cách mạng Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

+ Chủ nghĩa Mác-Lênin truyền bá vào Việt Nam làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam phát triển mạnh mẽ theo khuynh hướng vô sản. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam chuyển từ tự phát sang tự giác, phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, phong trào của nông dân và công nhân hỗ trợ lẫn nhau trong đấu tranh chống thực dân, phong kiến.

#### ❖ *Sự ra đời các tổ chức cộng sản*

Sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam:

- Tháng 3-1929, tại số nhà số 5D, phố Hàm Long (Hà nội), Chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập.

- Ngày 17-6-1929, đại biểu các tổ chức cộng sản ở miền Bắc họp Đại hội quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*.

- Ngày 28-7-1929, *An Nam Cộng sản Đảng* ra đời thông qua đường lối chính trị, Điều lệ Đảng và lập Ban lãnh đạo của Đảng.

- Tháng 8-1929, một số hội viên tiên tiến của Tân Việt đã ra Tuyên đạt thông báo thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*.

→ Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã lớn mạnh về số lượng và chất lượng.

### **3.1.2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

#### 3.1.2.1. Hoàn cảnh lịch sử

- Cuối 1929, phong trào cách mạng Việt Nam trưởng thành cả về lý luận và tổ chức, nhiều phong trào cách mạng diễn ra sôi nổi và rộng khắp trong cả nước.

- Các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời, tuy có chung mục đích nhưng hoạt động riêng có nguy cơ dẫn đến chia rẽ lực lượng cách mạng. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam, là phải sớm có một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước.

- Tháng 10-1929 Quốc tế Cộng sản gửi thư yêu cầu thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

- Nhận biết rõ tình hình, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm về Trung Quốc chủ động triệu tập đại biểu, dự thảo văn kiện, chuẩn bị mọi mặt tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

- Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản diễn ra từ ngày 6-1 đến 7-2-1930, tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) Nguyễn Ái Quốc.

- Hội nghị thông qua 5 nội dung lớn:

+ Xóa bỏ mọi thành kiến xung đột cũ;

+ Thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương;

+ Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Thảo luận Chánh cương vắn tắt và Điều lệ sơ lược của Đảng;

+ Định kế hoạch thống nhất Đảng ở trong nước và cử Ban Trung ương lâm thời.

- Ngày 24-2-1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản mang ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

### 3.1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Các văn kiện: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt được Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thông qua vào tháng 2-1930 hợp thành *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*.

#### ❖ *Nội dung Cương lĩnh*

- *Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam* là: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Nói cách khác là làm cách mạng dân tộc dân nhân dân và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

- *Nhiệm vụ của cách mạng*:

+ Về chính trị: Đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến; làm cho nước An Nam được hoàn toàn độc lập; lập ra chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông.

+ Về kinh tế: Thu tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý (công nghiệp, vận tải, ngân hàng...). Tịch thu hết ruộng đất của đế quốc Pháp để làm của công và chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ.

+ Về văn hóa - xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền; phổ thông giáo dục theo công nông hóa...

- *Về lực lượng cách mạng*: Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vững vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng. Đảng hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... kéo họ về phe giai cấp vô sản công nông là

lực lượng chính của cách mạng; phải đoàn kết, tranh thủ tiểu tư sản, trí thức...; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ.

- *Về lãnh đạo cách mạng*: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản...

- *Về phương pháp cách mạng*: Sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền. Tổ chức ra quân đội công nông để bảo vệ thành quả cách mạng, đập tan sự phản kháng của kẻ thù.

- Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới...

#### ❖ ***Ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.***

-Cương lĩnh là sự vận dụng tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, giải đáp những vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh là tiến hành cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, giành độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội.

-Cương lĩnh ra đời quy tụ lực lượng và sức mạnh của Đảng, đặt nền tảng đoàn kết giai cấp công nhân và toàn dân tộc. Chứng tỏ Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng và điều kiện trở thành lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Qua đó khẳng định tính đúng đắn, tính cách mạng, tính sáng tạo, tính khoa học của Cương lĩnh.

#### 3.1.2.3. Ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử, là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Đảng ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam, nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

- Đảng ra đời đã nắm được vai trò lãnh đạo duy nhất đối với phong trào cách mạng, là trung tâm đoàn kết giai cấp, đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam, là sự chuẩn bị đầu tiên, mở đường cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam về sau.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đưa cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới.

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc- người tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam..

### **3.2. Đường lối cách mạng của Đảng thời kỳ trước đổi mới năm 1986**

#### **3.2.1. Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)**

##### **3.2.1.1. Nội dung cơ bản của đường lối**

### ❖ **Các văn kiện hình thành đường lối**

- *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam* (2-1930);
- *Luận cương chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương* (10-1930),
- Văn kiện Đại hội lần thứ nhất của *Đảng Cộng sản Đông Dương* (3-1935);
- Các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa I, đặc biệt là Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941);
- Hội nghị thường vụ Trung ương Đảng (9-3-1945);
- Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng (giữa tháng 8-1945); ...

### ❖ **Nội dung cơ bản của đường lối**

- Xác định mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.: khi Việt Nam chuyển từ xã hội phong kiến sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến: có hai mâu thuẫn: thứ nhất, mâu thuẫn vừa cơ bản, vừa chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược; thứ hai, mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

- Phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương là làm cách mạng tư sản dân quyền có tính chất dân tộc, dân chủ.

+ Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ đế quốc Pháp, nhiệm vụ hàng đầu làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập; đánh đổ phong kiến, làm cách mạng ruộng đất.

+ Hai nhiệm vụ chống phong kiến và chống đế quốc có quan hệ khăng khít với nhau. Cách mạng tư sản dân quyền là thời kỳ dự bị, sau khi thắng lợi sẽ bỏ qua thời kỳ tư bản mà tiến lên chủ nghĩa xã hội..

- Lực lượng cách mạng là giai cấp vô sản lãnh đạo công nông dân và đông đảo lực lượng nhân dân tham gia trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Phương pháp cách mạng: tùy theo hoàn cảnh, sử dụng nhiều phương pháp, hình thức đấu tranh nhưng chủ yếu là phương pháp cách mạng theo con đường vũ trang bạo động.

- Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của cách mạng. Đảng là đội tiên phong phải có đường lối chính trị đúng đắn, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. Đảng luôn được xây dựng và củng cố, có kỷ luật chặt chẽ và liên hệ mật thiết với quần chúng.

- Quan hệ quốc tế của cách mạng, cách mạng Đông Dương là bộ phận của cách mạng thế giới, phải đoàn kết với vô sản thế giới, trước hết là đoàn kết và phối hợp đấu tranh với Đảng Cộng sản Pháp, ủng hộ Mặt trận nhân dân Pháp.

#### 3.2.1.2. Thắng lợi cách mạng Tháng Tám năm 1945

### ❖ **Diễn biến thắng lợi**

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước đã trải qua ba cao trào cách mạng:

+ Cao trào cách mạng 1930 – 1931 thất bại nhưng nó được ví như cuộc tổng diễn tập đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945;

+ Cao trào cách mạng 1936 – 1939 được ví như cuộc tổng diễn tập lần thứ hai cho thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945;

+ Cao trào kháng Nhật cứu nước do Đảng phát động từ bản *Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”* (12 - 3 - 1945)..

-Tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến có lợi cho cách mạng:

+ Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào, Tuyên Quang (từ 13 đến 15- 8 -1945) nhận định: quân Nhật đang tan rã, mất tinh thần, chỉ huy Nhật ở Đông Dương hoang mang cực độ, bọn việt gian thân Nhật hoảng sợ, toàn dân đang chuẩn bị khởi nghĩa.

+ Thời cơ khởi nghĩa đã đến. Hội nghị phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân đồng minh vào Đông Dương. Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành chính quyền.

+ Ngày 16-8-1945, Đại hội Quốc dân họp tại Tân Trào, tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, lập Ủy ban dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

+ Ngày 14 - 8, khởi nghĩa thắng lợi ở Bắc Cạn, Thái Nguyên; Ngày 19 - 8, giành chính quyền ở Thủ đô Hà Nội; Ngày 23 - 8, thắng lợi ở Huế; Ngày 25 - 8, thắng lợi ở Sài Gòn... Ngày 30 - 8, vua Bảo Đại thoái vị.

+ 14 giờ ngày 2 – 9 – 1945, tại Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

*Tuyên ngôn độc lập* khẳng định chân lý về quyền sống và quyền tự do của dân tộc Việt Nam; tố cáo tội ác của thực dân Pháp và khẳng định nhân dân Việt Nam giành chính quyền từ tay phát xít Nhật. Chính phủ của nước Việt Nam tuyên bố thoát ly với Pháp, xóa bỏ tất cả những hiệp ước mà Pháp đã ký về Việt Nam, xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp trên đất Việt Nam. Các nước trên thế giới vì lẽ phải cần công nhận nền độc lập của Việt Nam.

#### ❖ ***Nguyên nhân thắng lợi***

-Nguyên nhân chủ quan:

+ Có sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối cách mạng đúng đắn, dày kinh nghiệm, đoàn kết, thống nhất, nắm bắt đúng thời cơ, kiên quyết, khôn khéo.

+ Là kết quả của 15 năm chuẩn bị chu đáo về lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết, được rèn luyện qua ba cao trào cách mạng.

-Nguyên nhân khách quan:

+ Phát xít Nhật bị quân đồng minh đánh bại. Quân Nhật ở Đông Dương hoang mang cực độ.

+ Chính quyền tay sai do Nhật dựng ra nhanh chóng tan rã.

### ❖ *Ý nghĩa lịch sử*

- Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam.

- Nhân dân Việt Nam đã đập tan ách thống trị hơn 80 năm của thực dân Pháp và 5 năm thống trị của phát xít Nhật, lật nhào chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm ở nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

- Thắng lợi này đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của dân tộc, đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội; nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người chủ đất nước. Đảng ta từ hoạt động bất hợp pháp trở thành Đảng cầm quyền

- Đây là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lênin ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Nó chứng tỏ trong thời đại ngày nay, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa do toàn dân nổi dậy dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có đường lối đúng đắn thì hoàn toàn có khả năng thắng lợi.

- Cách mạng Tháng Tám đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc; mở ra thời kỳ suy yếu của chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Lào, Campuchia, góp phần cùng nhân dân tiến bộ trên thế giới trong đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai.

### ❖ *Bài học của cách mạng Tháng Tám 1945*

- *Một là*, xây dựng đường lối cách mạng đúng đắn, gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

- *Hai là*, đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công-nông làm tảng trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

- *Ba là*, có phương pháp cách mạng đúng đắn, kiên quyết sử dụng bạo lực cách mạng; kết hợp chặt chẽ lực lượng chính trị với vũ trang; cô lập kẻ thù; chớp thời cơ ;  
khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.

- *Bốn là*, xây dựng một Đảng vững mạnh đủ sức lãnh đạo Tổng khởi nghĩa thắng lợi.

### **3.2.2. Đường lối cách mạng Việt Nam (1945 - 1975)**

3.2.2.1. Đường lối xây dựng và bảo vệ chính quyền, tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

### ❖ *Hoàn cảnh lịch sử*

- Sau cách mạng Tháng Tám 1945, chính quyền cách mạng được thiết lập trên cả nước nhưng ở tình thế hiểm nghèo trước giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Với chủ trương kiên quyết, khéo léo, mềm dẻo, Đảng đã đưa đất nước vượt qua thử thách hiểm nghèo, củng cố thành quả cách mạng:

+ Ký với Tưởng *Hiệp định sơ bộ* ngày 6 - 3 - 1946.

+ Ký với Pháp *Tạm ước* ngày 14 - 9 - 1946, để tránh chiến tranh có thể xảy ra.

- Từ tháng 11 - 1946, thực dân Pháp bội ước, tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn, Hà Nội và ngày 18 - 12 - 1946, ra tối hậu thư đòi phải tước vũ khí tự vệ ở thủ đô.

- Trước tình hình đó, chiều ngày 18 - 12 - 1946 Thường vụ Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh chủ trì họp tại Vạn Phúc (Hà Nội), phân tích khả năng hoà hoãn không còn nữa và phát động kháng chiến toàn quốc.

❖ ***Các văn kiện hình thành đường lối***

- Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” (25 - 11 - 1945);

- “*Toàn dân kháng chiến*” (22 - 12 - 1946);

- “*Lời kêu gọi toàn dân kháng chiến*” (19 - 12 - 1946);

- Tác phẩm “*Kháng chiến nhất định thắng lợi*” (1947) của Tổng Bí thư Trường Chinh.

❖ ***Nội dung cơ bản đường lối kháng chiến***

- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là chính nghĩa, có tính chất dân tộc và dân chủ. Đây là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, giành độc lập, tự do, thống nhất, thực hành dân chủ nhân dân.

+ *Kháng chiến toàn dân* là dựa vào sức mạnh của nhân dân, tổ chức toàn dân kháng chiến.

+ *Kháng chiến toàn diện*, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để đánh bại chiến tranh tổng lực của địch. Ta phải xây dựng lực lượng và chống địch trên tất cả các mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Cụ thể:

*Về chính trị*, thực hiện đoàn kết toàn dân, củng cố khối liên minh công, nông và trí thức; mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể cứu quốc; xây dựng nhà nước dân chủ cộng hòa và bộ máy kháng chiến từ trung ương đến địa phương; đẩy

mạnh đấu tranh chính trị ở cả thành thị và nông thôn.

*Về quân sự*: thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân. Quán triệt tư tưởng tiến công, phương châm đánh lâu dài, đánh địch bằng chiến tranh du kích kết hợp chính quy, bằng quân sự, chính trị và binh vận, toàn dân đánh giặc.

*Về kinh tế*, vừa tiến hành kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa phá kinh tế địch, vừa xây dựng kinh tế ta, kết hợp giảm tô tức, cải cách ruộng đất, xây dựng nền kinh tế thời chiến.

*Về văn hóa*, kết hợp chống lại văn hoá nô dịch của địch, xây dựng nền văn hoá mới của nhân dân với ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.

*Về ngoại giao*, đấu tranh mở rộng quan hệ quốc tế làm cho nhân dân thế giới kể cả nhân dân Pháp hiểu và ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta nhưng không được ỷ lại.

+ *Kháng chiến lâu dài và dựa vào sức mình là chính*, tranh thủ thời gian

chuyển hóa lực lượng của ta từ yếu thành mạnh. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lâu dài, gian khổ, khó khăn song nhất định thắng lợi.

→ Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản như trên là đúng đắn và sáng tạo, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa phù hợp với hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, có tác dụng đưa cuộc kháng chiến từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang.

#### ❖ **Quá trình thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng**

- Quân dân Hà Nội anh dũng chiến đấu kìm chân quân Pháp trong 60 ngày đêm, tạo điều kiện để chính phủ và nhân dân rút về Việt Bắc.

- Đánh bại cuộc hành quân lớn của địch lên Việt Bắc (1947), thắng lợi trong chiến dịch Biên giới 1950. Từ đó mở ra quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- Đại hội II của Đảng (2 - 1951) tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang đã hoàn thiện đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp:

- Chủ trương giảm tô 25%, bước đầu thực hiện cải cách ruộng đất.

- Lực lượng vũ trang liên tục mở các chiến dịch quân sự lớn, giải phóng nhiều vùng trên cả nước.

- Tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch mở màn ngày 13 - 3 - 1954 đến ngày 7 - 5 - 1954 thắng lợi hoàn toàn.

- Ngày 8 - 5 - 1954 Hội nghị Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương khai mạc. Ngày 21 - 7 - 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Pháp và các nước tham gia hội nghị ký kết hiệp định tôn trọng độc lập chủ quyền của nước Việt Nam. Hòa bình lập lại trên toàn cõi Đông Dương.

#### ❖ **Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử**

-*Nguyên nhân thắng lợi:*

+ Sự lãnh đạo của Đảng với đường lối kháng chiến đúng đắn là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi

+ Toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Liên Việt; chính quyền dân chủ nhân dân, được giữ vững, tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

+ Lực lượng vũ trang anh hùng, do Đảng lãnh đạo, có nghệ thuật quân sự cao, ý chí cách mạng kiên cường.

+ Tinh đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia và sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và nhân dân thế giới, cả nhân dân Pháp.

-*Ý nghĩa lịch sử:*

+ Thắng lợi kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Chúng ta đã bảo vệ được thành quả cách mạng Tháng Tám 1945, chính quyền nhân dân được củng cố, lực lượng vũ trang nhân dân trưởng thành. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Góp phần đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ, là tấm gương cổ vũ các dân tộc

thuộc địa, phụ thuộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

❖ ***Kinh nghiệm lịch sử***

*Một là*, xác định đường lối kháng chiến đúng đắn và không ngừng bổ sung, hoàn chỉnh trong quá trình tiến hành kháng chiến.

*Hai là*, vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến.

*Ba là*, không ngừng mở rộng và tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới đối với kháng chiến.

*Bốn là*, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến.

3.2.2.2. Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

❖ ***Hoàn cảnh lịch sử***

- Sau tháng 7-1954, miền Bắc nước ta được xây giải phóng, quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, âm mưu chia cắt lâu dài, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới, phòng tuyến chống chủ nghĩa cộng sản, căn cứ quân sự khổng lồ chế các nước trong vùng.

- Mỹ lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, tăng cường khủng bố, đàn áp dã man những người cách mạng.

- Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta hoàn toàn chính nghĩa với mục tiêu giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

❖ ***Nội dung cơ bản đường lối kháng chiến của Đảng (1954 - 1965)***

- *Các văn kiện hình thành đường lối:*

+ Các Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 (3 - 1955) đến Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (1 - 1959) khóa II đề ra đường lối khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đường lối cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

+ Đại hội III của Đảng (9 - 1960) quyết định xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà.

+ Các Hội nghị Trung ương khóa III của Đảng (1960 - 1975) cụ thể hóa đường lối của Đại hội III về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975).

- *Đường lối chung của cách mạng Việt Nam:*

+ Tăng cường đoàn kết toàn dân, đồng thời đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, xây dựng Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà.

+ Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định

trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà.

+ Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, nhưng tiến hành đồng thời, có quan hệ mật thiết, thúc đẩy lẫn nhau, nhằm giải quyết mâu thuẫn chung giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hoà bình thống nhất Tổ quốc".

*-Đường lối đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội:*

+ Đoàn kết toàn dân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em do Liên Xô đứng đầu, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

+ Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.

+ Thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

+ Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật; biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

→ Kết quả việc thực hiện đường lối trên: trong 10 năm ( 1954 - 1964), miền Bắc đã thay đổi, tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc.

*-Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước:*

+ Mục tiêu chiến lược: "*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*", trong bất kỳ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới hoà bình thống nhất đất nước.

+ Phương châm chỉ đạo chiến lược: đẩy mạnh chiến tranh nhân dân chống Mỹ ở miền Nam, đồng thời chống chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc. Thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính...

+ Con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng, giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết và liên tục tiến công. Kiên trì kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị..., mở rộng đấu tranh ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và quân sự của quân dân ta.

+ Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc là kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế trong điều kiện có chiến tranh phá hoại; xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng; tiến hành chiến tranh nhân dân, kiên quyết đánh trả chiến tranh

phá hoại của đế quốc Mỹ. Động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện cho chiến trường.

*-Ý nghĩa của đường lối:*

+ Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước thể hiện tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo, tinh thần cách mạng tiến công, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của Đảng; nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta vì độc lập dân tộc và CNXH.

+ Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

*- Thắng lợi thực hiện đường lối:*

+ Thực hiện đường lối trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN, là hậu phương lớn chi viện cho miền Nam, trực tiếp đánh bại chiến tranh phá hoại của Mỹ ra miền Bắc.

+ Miền Nam là tiền tuyến lớn, đánh bại bốn chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, thực hiện cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

*-Nguyên nhân thắng lợi:*

+ Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định đến thắng lợi.

+ Nhân dân cả nước chiến đấu gian khổ hy sinh vì có chính nghĩa:

Kết quả đấu tranh anh dũng của cán bộ, chiến sĩ và hàng chục triệu đồng bào yêu nước ở miền Nam.

Kết quả của đồng bào và chiến sĩ ở miền Bắc vừa xây dựng, vừa chống chiến tranh phá hoại, vừa hoàn thành nghĩa vụ hậu phương lớn, chi viện tiền tuyến lớn đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

+ Kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương; sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa; sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

*-Ý nghĩa lịch sử:*

+ Nhân dân ta đã quét sạch bọn đế quốc xâm lược, chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta, mở ra kỷ nguyên mới: cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Làm suy yếu, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chủ nghĩa đế quốc ở Đông Nam Á, mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, góp phần tăng cường lực lượng xã hội chủ nghĩa, phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình thế giới.

*-Kinh nghiệm lịch sử:*

*Một là, gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy*

động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

*Hai là*, Đảng đã tìm ra phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

*Ba là*, sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức chiến đấu của giới của đảng qua các các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội.

*Bốn là*, coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước.

### **3.2.3. Đường lối cách mạng Việt Nam (1975 - 1986)**

#### **3.2.3.1. Nội dung cơ bản của đường lối**

- *Các văn kiện hình thành đường lối*: Đại hội IV (12 - 1976), Đại hội V của Đảng (3 - 1982)

+ Thông qua đường lối chung;

+ Đường lối kinh tế;

+ Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng và tiếp tục bầu ông Lê Duẩn là Tổng Bí thư Đảng.

- *Đường lối chung*;

+ Năm vững chuyên chính vô sản, pháp huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt;

+ Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên CNXH ;

+ Xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

- *Đường lối kinh tế*;

+ Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

+ Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp. Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cần coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

+ Xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước. Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

+ Tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng đất nước, củng cố quốc phòng, góp phần vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

#### **3.2.3.2. Kết quả thực hiện**

- Thành tựu: Từ ( 1975-1986), đất nước ta đạt được một số thành tựu:

- + Về chính trị: thiết lập, củng cố hệ thống chính trị mới trong cả nước.
- + Về kinh tế: khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất và xác lập quan hệ sản xuất mới, bảo vệ Tổ quốc và hoàn thành nhiệm vụ quốc tế.
- + Đảng chủ trương tiến hành ba bước đổi mới cục bộ:
  - Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (8 -1979) chủ trương “làm cho sản xuất bung ra”;
  - Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6 -1985) chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp;
  - Hội nghị Bộ Chính trị (1 - 1986) kết luận xóa bỏ cơ chế bao cấp, phát triển nhiều thành phần kinh tế và phát triển nông nghiệp.
- Hạn chế: Các bước đổi mới đó không thay đổi được tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đất nước đang bị bao vây, cấm vận. Nền kinh tế còn nhiều khó khăn, đời sống nhân dân rất khó khăn, tiêu cực xã hội diễn ra phổ biến.
- Nguyên nhân: Có những nguyên nhân khách quan, nhưng về chủ quan:
  - + Do Đảng ta có những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, chậm đổi mới tư duy phát triển kinh tế;
  - + Chủ quan, nóng vội khi đề ra chủ trương quá cao về tốc độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất;
  - + Duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp.

### **3.3. Đường lối đổi mới toàn diện đất nước (1986 – nay).**

#### **3.3.1. Khái quát tiến trình đổi mới (từ 1986 - nay)**

##### **3.3.1.1. Thời kỳ từ 1986 đến 1996**

##### **❖ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12 - 1986)**

- Đại hội đã khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện đất nước.
- Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, Đại hội đã tổng kết và rút ra *bốn* bài học kinh nghiệm:
  - +*Một là*, trong hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc.
  - + *Hai là*, Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.
  - + *Ba là*, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.
  - + *Bốn là*, chăm lo công tác xây dựng Đảng ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ mới.

- Đại hội đề ra nhiệm vụ chung, mục tiêu tổng quát, phương hướng cụ thể trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

##### **❖ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6 - 1991)**

- Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991); Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000; Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1991 -

1995).

- Nội dung cơ bản Cương lĩnh năm 1991:

+ Tổng kết cách mạng Việt Nam và chỉ ra *năm* bài học kinh nghiệm:

*Một là*, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

*Ba là*, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

*Bốn là*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

*Năm là*, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

+ Nêu 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng: Do nhân dân làm chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

+ Bảy phương hướng cơ bản xây dựng đất nước: Xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện; Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao; Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa; Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 xác định:

+ Mục tiêu tổng quát là đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển.

+ Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, áp dụng cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

+ Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, coi đó là quốc sách hàng đầu.

+ Đổi mới hệ thống chính trị, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập; giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng với hệ thống chính trị.

+ Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với tập trung, kỷ cương và kỷ

luật.

+ Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

→ Đại hội VII là Đại hội trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết, đánh dấu bước trưởng thành về nhận thức và tư duy sáng tạo của Đảng.

❖ **Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (1 - 1994):** Hội nghị chỉ rõ cơ hội lớn và thách thức lớn của cách mạng nước ta.

-Những cơ hội lớn:

+ Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí;

+ Nhân dân ta cần cù và thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng vào Đảng;

+ Lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với cách mạng;

+ Những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới;

+ Sự phát triển của cách mạng khoa học kỹ thuật,

+ Xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và khu vực.

-Những thách thức lớn:

+ Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới;

+ Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục những lệch lạc trong quá trình thực hiện;

+ Nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu;

+ Nguy cơ “diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

→ Các nguy cơ đó liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau. Quyết tâm của Đảng là nắm vững thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới.

3.3.1.2. Thời kỳ từ 1996 đến nay

❖ **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6 - 1996):** Đại hội thông qua đường lối phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000; đường lối xây dựng Đảng, sửa đổi Điều lệ Đảng.

- Đại hội khẳng định:

+ Sau 10 năm đổi mới, đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng một số mặt chưa vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng đất nước ta thành nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp.

- Đại hội đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996 – 2000, nêu nhiệm vụ tổng quát, những tư tưởng chỉ đạo, các chương trình và lĩnh vực phát triển.

❖ **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4 - 2001):** Đại hội đã thông qua báo cáo chính trị, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010; đường lối phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

- Nội dung cơ bản Báo cáo Chính trị tại Đại hội:

+ Tổng kết thế kỷ XX đối với loài người và nước ta.

+ Nêu ra 4 bài học chủ yếu.

+ Đưa ra khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Xác định con đường đi lên của Việt Nam là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa...

+ Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công – nông – trí thức do Đảng lãnh đạo.

+ Mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010* là tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mục tiêu tổng quát đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 – 2005 là tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo nhiều việc làm, cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

❖ **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (4 - 2006)**

-Đại hội X đã đề ra đường lối phát triển kinh tế - xã hội 2006 – 2010, quyết tâm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đại hội bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

-Đại hội thông qua nội dung chủ yếu của Báo cáo chính trị.

+ Tổng kết 20 năm đổi mới, nêu 5 bài học lớn.

+ Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng gồm *tám* đặc trưng:

*Một là*, dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh;

*Hai là*, do nhân dân làm chủ;

*Ba là*, có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất;

*Bốn là*, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

*Năm là*, con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện;

*Sáu là*, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ;

*Bảy là*, Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản;

*Tám là*, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

+ Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới (kinh tế, giáo dục và đào tạo, nền văn hóa, quốc phòng và an ninh, đối ngoại, dân chủ, chính đốn Đảng), sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

#### ❖ **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (1 - 2011)**

- Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bổ sung, phát triển năm 2011 (gọi tắt là Cương lĩnh năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2011 – 2020); Đường lối phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 – 2020; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

- Cương lĩnh năm 2011 đã tổng kết thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và nêu ra *năm* bài học kinh nghiệm của cách mạng nước ta:

*Một là*, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

*Ba là*, không ngừng củng cố tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

*Bốn là*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

*Năm là*, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

-Xác định 8 đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng:

*Một là*, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

*Hai là*, do nhân dân làm chủ;

*Ba là*, có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp;

*Bốn là*, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

*Năm là*, con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;

*Sáu là*, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển;

*Bảy là*, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

*Tám là*, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

- Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta: Xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tám phương hướng cơ bản xây dựng đất nước:

*Một là*, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.

*Hai là*, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Ba là*, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

*Bốn là*, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

*Năm là*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

*Sáu là*, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

*Bảy là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

*Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.

- Năm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, như: giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa...

- Mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2011 - 2020) là phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

- Quan điểm phát triển của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2011 - 2020):

+ Phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững;

+ Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

+ Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển;

+ Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

+ Kiên trì xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Ba khâu đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2011 – 2020): Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại.

❖ **Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đến nay (8 - 2013):** Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, các Hội nghị đã cụ thể hóa đường lối Đại hội XI, đó là:

Hội nghị Trung ương 3 đề ra kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015; Quy định thi hành Điều lệ Đảng và hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quy định những điều đảng viên không được làm.

Hội nghị Trung ương 4 (1 - 2012), chủ trương giải quyết một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Hội nghị Trung ương 5 (5 - 2012), chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992; tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai; tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; một số vấn đề về chính sách xã hội thời kỳ 2012 - 2020, về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công;

Hội nghị Trung ương 6 (10 - 2012), chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; chính sách pháp luật về đất đai; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục & đào tạo; phát triển khoa học & công nghệ; quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ chính trị, ban Bí thư và các chức danh chủ chốt của Đảng và Nhà nước,

Hội nghị Trung ương 7 (5 - 2013), chủ trương tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận; dự thảo sửa đổi hiến pháp 1992; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

### **3.3.2. Đường lối đổi mới trên các lĩnh vực**

#### **3.3.2.1. Đường lối phát triển kinh tế**

##### **❖ Đường lối công nghiệp hóa**

- *Sự cần thiết phải công nghiệp hóa*

+ Lênin khẳng định: “Cơ sở kinh tế duy nhất có thể có được của chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí...”.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Muốn đảm bảo đời sống sung sướng mãi mãi, phải công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa”.

+ Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát thấp về kinh tế, bỏ qua phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa, thiếu nhất là cơ sở vật chất kỹ thuật và đang đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế, sức cạnh tranh kinh tế kém.

+ Trong thời đại khoa học công nghệ, kinh tế tri thức phát triển, để khắc phục nguy cơ tụt hậu về kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế... chúng ta thực hiện chiến lược đi tắt, đón đầu, tận dụng lợi thế của “người đi sau”, Việt Nam tất yếu phải đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước.

- *Quá trình phát triển đường lối công nghiệp hóa*

+ Đại hội lần thứ III của Đảng (9 - 1960) coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý; kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với việc phát triển công nghiệp nặng.

+ Đại hội lần thứ IV của Đảng (12 - 1976) đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông - nghiệp.

+ Đại hội lần thứ V của Đảng (3 - 1982) có chủ trương mới coi công nghiệp hóa là tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

+ Đại hội lần thứ VI của Đảng (12 - 1986) điều chỉnh chủ trương chuyển trọng tâm công nghiệp hóa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thực hiện ba chương trình kinh tế lớn về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

+ Đại hội lần thứ VII của Đảng (6 - 1991) chủ trương công nghiệp hóa là cùng với tập trung phát triển ba chương trình kinh tế lớn cần phát triển toàn diện nông thôn, xây dựng nông thôn mới; phát triển du lịch, dịch vụ; cơ sở hạ tầng.

+ Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6 - 1996) khẳng định nước ta đã kết thúc chặng đường đầu tiên, chủ trương đưa đất nước chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Đại hội lần thứ IX của Đảng (4 - 2001) đến Đại hội lần thứ X của Đảng (4 - 2006), Đảng có những chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và chủ trương đổi mới đường lối công nghiệp hóa:

Khẳng định công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta xác định là cần và có thể rút

ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt.

Tập trung vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ; xây dựng đồng bộ, từng bước hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng. Phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; tạo điều kiện phát triển các vùng khác, chú trọng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam. Phát triển mạnh và phát huy vai trò chiến lược của kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển.

- *Kết quả công nghiệp hóa đến năm 2010:*

+ Tiềm lực và quy mô của nền kinh tế tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển...

+ Tuy nhiên, công nghiệp chế tạo, chế biến phát triển chậm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực còn chậm. Năng suất lao động còn thấp, năng lực cạnh tranh quốc gia chậm được cải thiện. Quản lý, khai thác tài nguyên thiên nhiên hiệu quả chưa cao, còn lãng phí.

- *Đường lối công nghiệp hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Cương lĩnh năm 2011 khẳng định:*

+ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên môi trường.

+ Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo và các ngành công nghiệp có lợi thế.

+ Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.

+ Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền, thúc đẩy phát triển nhanh các vùng trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn.

+ Xây dựng kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay:*

+ Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững.

+ Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp, nâng cao khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

+ Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn.

+ Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương

mai, du lịch và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

+ Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế.

+ Phát triển kinh tế - xã hội hài hòa giữa các vùng, đô thị và nông thôn.

❖ **Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

- *Sự cần thiết xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:*

+ Lênin đã đề ra và áp dụng “Chính sách Kinh tế mới” trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định cần cải tiến quản lý kinh tế, nước ta cần có nhiều thành phần kinh tế, cần coi trọng phân phối sản phẩm.

+ Trước đổi mới, Đảng ta chưa thừa nhận kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường, coi cơ chế quản lý kinh tế chủ yếu là kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp. Cơ chế này phát huy tác dụng trong hoàn cảnh chiến tranh, không còn phù hợp trong điều kiện hòa bình. Kết quả là nền kinh tế nước ta rơi vào khủng hoảng.

+ Trong bối cảnh mới, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trở thành xu thế của thế giới và là đòi hỏi bức thiết của nền kinh tế nước ta.

- *Quá trình phát triển đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;*

+ Đại hội lần thứ VI của Đảng (12 - 1986) chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan, phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế. Từ đó, Đảng chuyển mọi hoạt động của các đơn vị kinh tế sang tự chủ sản xuất kinh doanh; đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, thực hiện khoán sản phẩm đến hộ gia đình (khoán 10), phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước.

+ Đại hội IX của Đảng (4 - 2001), chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

+ Từ Đại hội X của Đảng (4 - 2006) đến nay Đảng ta khẳng định những nhận thức mới: coi kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại; kinh tế thị trường không đối lập mà tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; có thể và cần thiết phải sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; để đảm bảo phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực, cần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.

- *Đường lối xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định:

+ Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình

thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

+ Các thành phần kinh tế là bộ phận quan trọng của nền kinh tế, hoạt động theo pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, cùng hợp tác, cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò lãnh đạo. Kinh tế tập thể không ngừng củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

+ Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan xen với nhau tạo thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển.

+ Thực hiện nhiều chế độ phân phối, trong đó thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động.

+ Nhà nước quản lý, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

- *Chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay:*

+ Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

+ Phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

+ Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

+ Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

### 3.3.2.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

#### ❖ *Sự cần thiết và quan điểm đổi mới hệ thống chính trị*

- *Xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam:*

+ Khái niệm hệ thống chính trị được Đảng Cộng sản Việt Nam sử dụng từ Hội nghị Trung ương 6, khóa VI (3 - 1989) thay cho khái niệm chuyên chính vô sản trước đây.

+ Hệ thống chính trị là một phạm trù chỉ hệ thống và cơ cấu các cơ quan quyền lực, lãnh đạo và quản lý xã hội bao gồm nhà nước, các đảng phái, các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp nhưng vai trò chủ đạo thuộc về đảng cầm quyền.

+ Hệ thống chính trị nước ta gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Các thành tố đó có quan hệ gắn bó, tác động lẫn nhau, trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước là tổ chức thực thi quyền lực của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội là tổ chức phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Trước đổi mới, Đảng đã chú trọng nêu cao tinh thần làm chủ của nhân dân, khắc phục phần nào cách hiểu cực đoan, một chiều, quá tả về chuyên chính vô sản. Tuy nhiên, hạn chế chủ yếu là buông lỏng chuyên chính vô sản trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội, văn hóa và chống lại âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

→ Đổi mới hệ thống chính trị là đòi hỏi khách quan và cấp thiết để đưa nước ta vượt qua khỏi khủng hoảng và phát triển.

*-Quan điểm đổi mới hệ thống chính trị:*

+ Kết hợp chặt chẽ từ đầu giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, từng bước đổi mới chính trị.

+ Đổi mới làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động, hiệu quả hơn, phù hợp với đổi mới toàn diện và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế.

+ Đổi mới hệ thống chính trị toàn diện đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

+ Đổi mới hệ thống chính trị tập trung vào *ba* nội dung chủ yếu là đổi mới và chỉnh đốn Đảng; phát huy dân chủ, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng.

❖ *Xây dựng và chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam*

*-Sự cần thiết đổi mới, chỉnh đốn Đảng:*

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã khẳng định;

Vai trò của Đảng Cộng sản đối với cách mạng và xây dựng, chỉnh đốn Đảng là quy luật tồn tại, phát triển của Đảng..

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, cấp bách, lâu dài.

+ Hiện nay, bên cạnh mặt tích cực, Đảng đang đứng trước những hạn chế, khuyết điểm:

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ chưa được ngăn chặn...

Các thế lực thù địch luôn âm mưu chống Đảng, thực hiện “diễn biến hòa bình”, gây rối loạn lý luận, tư tưởng, tạo nghi ngờ, mất niềm tin, mở rộng “tự chuyển biến” nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng.

+ Sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt Đảng ta trước những nhiệm vụ rất nặng nề. Để làm tròn nhiệm vụ, Đảng ta cần coi trọng hơn công tác đổi mới, chỉnh đốn Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

*-Đường lối xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định:

+ Đảng phải xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

+ Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng; lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

+ Coi trọng và làm tốt công tác cán bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng và đảng viên trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm của người đứng đầu. Phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

+ Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chia rẽ, bè phái.

*-Đường lối xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay:*

*Một là, tăng cường xây dựng Đảng về chính trị.*

*Hai là, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận.*

*Ba là, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.*

*Bốn là, tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng.*

*Năm là, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên.*

*Sáu là, đổi mới công tác cán bộ.*

*Bảy là, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.*

*Tám là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.*

❖ *Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

*-Sự cần thiết xây dựng và hoàn thiện nhà nước trong thời kỳ mới;*

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định vai trò của nhà nước trong mọi cuộc cách mạng và nội dung xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

+ Sau cách mạng tháng Tám 1945 đến nay, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước đã góp phần rất quan trọng vào thắng lợi của dân tộc.

+ Từ Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng (01 – 1994), Đảng ta chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và đã đạt được những thành tựu nhất định.

+ Tuy nhiên, cho đến nay, Nhà nước ta còn những yếu kém; tình hình tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mất dân chủ còn nghiêm trọng; hiệu lực quản lý, điều hành chưa nghiêm.

+ Xu thế toàn cầu hóa, cạnh tranh kinh tế gay gắt, sự phức tạp của tình hình thế giới; sự chống phá nhà nước ta của các thế lực thù địch rất tinh vi và quyết liệt. Để làm tròn nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tất yếu phải xây dựng và hoàn thiện Nhà nước.

*-Đường lối hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định:

+ Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng lãnh đạo.

+ Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xâm phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của tổ quốc và nhân dân.

+ Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

*-Đường lối hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay:*

+ Nâng cao nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

+ Tích cực thực hành tiết kiệm, phòng ngừa, kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí.

❖ *Phát huy dân chủ, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*

*-Sự cần thiết phát huy dân chủ, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong thời kỳ mới:*

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ rõ vai trò to lớn của phát huy dân chủ, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

+ Trong quá trình cách mạng, Đảng ta đã từng bước mở rộng dân chủ, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội trong đại đoàn kết dân tộc, góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam.

+ Trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã có nhiều tiến bộ phát huy dân chủ và xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội bảo vệ quyền lợi của nhân dân, nhất là thực hiện dân chủ ở cơ sở...

+ Tuy nhiên, dân chủ trong xã hội còn bị vi phạm. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi không nghiêm; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở

nhều nơi còn mang tính hành chính, hình thức; quyền dân chủ của dân còn bị vi phạm.

+ Các thế lực thù địch không ngừng chống phá, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, thổi phồng mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân...

+ Sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi phải phát huy dân chủ, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị xã hội.

*-Đường lối phát huy dân chủ, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:*

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị - xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

+ Các đoàn thể nhân dân theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý Nhà nước, xã hội.

+ Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

*-Đường lối phát huy dân chủ, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội hiện nay:*

+ Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.

+ Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Muốn vậy phải:

+ Phát huy vai trò của giai cấp công nhân; xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân; xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, có chất lượng cao; tạo điều kiện xây dựng, phát triển đội ngũ doanh nhân có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao; làm tốt công tác giáo dục cho thế hệ trẻ về chính trị, tư tưởng, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; nâng cao

trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; phát huy truyền thống bộ đội Cụ Hồ của cựu chiến binh; quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để người cao tuổi hưởng thụ văn hóa, được tiếp cận thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc; đoàn kết các dân tộc; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng; đồng bào định cư ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân tiếp tục tăng cường tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động.

### 3.3.2.3. Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội

#### ❖ *Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa*

*-Sự cần thiết xây dựng, phát triển văn hóa:*

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ rõ vai trò to lớn của văn hóa. Văn hóa là mục tiêu, là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Văn hóa Việt Nam được hình thành và phát triển là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc lên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử dân tộc.

+ Trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã có nhiều chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đặc biệt là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

+ Tuy nhiên so với yêu cầu của thời kỳ đổi mới, những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa còn chưa tương xứng và chưa vững chắc. Sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến nghiêm trọng.

+ Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch coi lĩnh vực văn hóa, tư tưởng là trọng điểm của chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng nước ta.

+ Để làm tròn nhiệm vụ là nền tảng tinh thần xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tất yếu phải đổi mới, xây dựng nền văn hóa mới.

*-Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:*

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định:

+ Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phát triển toàn diện, thống nhất, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành sức mạnh nội sinh của sự phát triển.

+ Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và kiên trì, thận trọng; coi đây là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

+ Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt

Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích con người với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

+ Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những lỗi thời, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hóa.

+ Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thật, đa dạng, kịp thời.

*-Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa hiện nay:*

+ Củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng.

+ Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống, cách mạng.

+ Phát triển hệ thống thông tin đại chúng.

+ Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hóa.

❖ *Đường lối giải quyết các vấn đề xã hội*

*-Sự cần thiết giải quyết các vấn đề xã hội:*

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đặt con người ở vị trí cao nhất, xây dựng chế độ xã hội mới với mục tiêu cao nhất là làm cho con người phát triển toàn diện, bình đẳng, tự do, ấm no và hạnh phúc.

+ Đường lối giải quyết các vấn đề xã hội bao gồm các chủ trương, chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, khuyến khích làm giàu, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, chính sách dân số, các dịch vụ công, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống tệ nạn xã hội... Chính sách xã hội góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, nhằm phát triển con người toàn diện.

+ Dân tộc Việt Nam giàu truyền thống tốt đẹp về lòng nhân ái. Sự kết hợp chính sách kinh tế với chính sách xã hội là đặc trưng của định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện bản chất tốt đẹp, nhân đạo của chế độ ta.

+ Trong thời kỳ đổi mới Đảng ta đã có nhiều chủ trương gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế đi đôi với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo...

Tuy nhiên, hạn chế nổi bật là cơ chế, chính sách về văn hóa – xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Chất lượng dân số còn thấp. Vấn đề việc làm rất bức xúc và nan giải. Sự phân hóa giàu nghèo và bất công xã hội, tệ nạn xã hội gia tăng. Môi trường sinh thái bị ô nhiễm...

+ Trước yêu cầu mới của cách mạng, cần làm tốt hơn nữa chính sách xã hội, góp phần nâng cao trí tuệ, thể chất, bồi dưỡng nhân tài, thực hiện chiến lược trồng người, tạo động lực to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*-Đường lối giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:*

+ Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của đất nước.

+ Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

+ Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, miền, tầng lớp dân cư.

+ Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách với người và gia đình có công với nước, chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

+ Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của các tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

*-Đường lối giải quyết các vấn đề xã hội hiện nay:*

+ Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập.

+ Bảo đảm an sinh xã hội.

+ Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

+ Đấu tranh phòng, chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông.

3.3.2.4. Đường lối đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

*- Sự cần thiết mở rộng đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ rõ chính sách đối ngoại là sự tiếp nối chính sách đối nội, là bộ phận quan trọng trong đường lối chính trị và chính sách của quốc gia, dân tộc và Đảng Cộng sản.

+ Đoàn kết, mở rộng quan hệ với các nước là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Truyền thống đó được Đảng ta kế thừa và phát huy lên tầm cao mới, góp phần đánh thắng kẻ thù xâm lược và tiến hành đổi mới thắng lợi.

+ Ngày nay cách mạng khoa học – công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa làm cho sản xuất vật chất và đời sống văn hóa, xã hội mang tính quốc tế hóa sâu sắc. Xu hướng hòa bình, hợp tác trên thế giới ngày càng lớn tạo ra cơ hội và thách thức cho tất cả các nước, nhất là những nước nghèo, chậm phát triển.

+ Nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát thấp về kinh tế, đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt nên đang đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế so với các nước trên thế giới.

+ Trong quá trình đổi mới, Đảng ta thi hành chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa. Nước ta đã gia nhập vào nhiều tổ chức ở khu vực và thế giới. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần tạo ra thế và lực mới của đất nước.

Tuy nhiên công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại có mặt còn hạn chế. Sự phối hợp giữa đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân, giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa đối ngoại chưa thật đồng bộ.

+ Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế là xu thế khách quan, là đòi hỏi cấp bách của đất nước, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

- *Đường lối đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:*

+ Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước.

+ Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

+ Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và pháp luật quốc tế. Ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

+ Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới. Phấn đấu cùng với các nước trong ASEAN xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

- *Đường lối đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế hiện nay:*

+ Giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

+ Thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới biển; làm tốt công tác quản lý biên giới; củng cố, phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng có chung biên giới.

+ Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng với các nước xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh.

+ Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc

lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; mở rộng tham gia các cơ chế, diễn đàn đa phương ở khu vực và thế giới; coi trọng và nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao nhân dân.

+ Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại; phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và giao lưu văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh./.

### CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1/ *Phân tích nội dung Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.*
  - 2/ *Phân tích nội dung đường lối đấu tranh giành chính quyền của Đảng trong giai đoạn 1930 – 1945. Ý nghĩa đường lối trên.*
  - 3/ *Phân tích nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng giai đoạn 1945-1954. Ý nghĩa đường lối trên.*
  - 4/ *Phân tích nội dung đường lối đổi mới thời kỳ 1986 – 1996.*
  - 5/ *Phân tích nội dung đường lối đổi mới thời kỳ 1996 đến nay.*
  - 6/ *Sự cần thiết phải tiến hành công nghiệp hóa đất nước? Phân tích nội dung đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay của Đảng.*
  - 7/ *Sự cần thiết phải xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa? Phân tích nội dung đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay của Đảng.*
  - 8/ *Trình bày đường lối xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay của Đảng.*
  - 9/ *Trình bày đường lối phát huy dân chủ, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong giai đoạn hiện nay của Đảng.*
  - 10/ *Trình bày đường lối xây dựng và phát triển văn hóa trong giai đoạn hiện nay của Đảng.*
  - 11/ *Trình bày đường lối giải quyết các vấn đề xã hội của Đảng giai đoạn hiện nay. Liên hệ thực tế địa phương nơi Anh (Chị) đang sinh sống, học tập?*
  - 12/ *Trình bày đường lối đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay của Đảng.*
-

**Chương 4**  
**TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH**  
**NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT**

**4.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt**

**4.1.1. Người công dân tốt và tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt**

4.1.1.1. Người công dân tốt:

- Công dân nước CHXHCNVN là người có quốc tịch Việt Nam.
  - Người công dân tốt là người thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định.
  - *Thực hiện tốt quyền của công dân:*
    - + Quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội.
    - + Quyền có việc làm và sở hữu thu nhập hợp pháp.
    - + Quyền được học tập, lao động và giải trí.
    - + Quyền bình đẳng về giới.
    - + Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giúp đỡ.
    - + Quyền tự do đi lại và cư trú, tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin, có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật.
    - + Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật.
    - + Công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, xã hội hoặc bất cứ cá nhân nào.
  - *Thực hiện tốt nghĩa vụ chủ yếu của công dân:*
    - + Trung thành với Tổ quốc.
    - + Thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân.
    - + Tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích công cộng.
    - + Tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia.
    - + Chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng, thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng.
    - + Đóng thuế và lao động công ích theo quy định của pháp luật.
- 4.1.1.2. Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt
- Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân.
  - Có ý thức công dân.

- Tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống.
- Nội dung tu dưỡng và rèn luyện của học sinh trung cấp chuyên nghiệp:
  - + Có động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn.
  - + Tự tin, vượt qua khó khăn để đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện.
  - + Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế của nhà trường, của tập thể, pháp luật của nhà nước.
  - + Yêu lao động và tôn trọng lao động của người khác. Có ý thức rèn luyện tác phong công nghiệp, thích ứng với sự thay đổi của khoa học công nghệ.
  - + Có lối sống lành mạnh, không gian lận trong học tập và tiêu cực trong cuộc sống.
  - + Kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể , lợi ích xã hội. Tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể và xã hội.
  - + Thường xuyên rèn luyện thân thể.

#### **4.1.2. Người lao động tốt**

##### **4.1.2.1. Là người công dân tốt đang ở tuổi lao động**

- Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người.
- Luật lao động quy định về độ tuổi lao động:
  - + Người đang ở tuổi lao động; từ đủ 18 tuổi đến đủ 60 tuổi đối với nam; đủ 55 tuổi đến đủ 55 tuổi đối với nữ.
  - + Lao động chưa thành niên là người đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi.
  - + Lao động cao tuổi là người trên 60 tuổi đối với nam; trên 55 tuổi đối với nữ.

##### **4.1.2.2. Lao động có kỷ luật, kỹ thuật, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao**

###### *\* Lao động có kỷ luật;*

- Kỷ luật lao động? Là những quy định về việc tuân theo thời gian, và nội quy lao động.

- Tác dụng của kỷ luật lao động:

- + Là yêu cầu cơ bản, đầu tiên và là bản chất của người lao động mới.
- + Đem lại năng suất, chất lượng, hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

-Biểu hiện của lao động có kỷ luật:

- + Đảm bảo thời gian làm việc và nghỉ ngơi;
- + Giữ trật tự, an toàn, vệ sinh lao động ở nơi làm việc;
- + Bảo vệ tài sản và bí mật công nghệ, kinh doanh...

###### *\*Lao động có kỹ thuật:*

- Người lao động có kỹ thuật phải nắm được các thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện máy móc theo đúng kỹ thuật.

- Tác dụng của lao động có kỹ thuật:

- + Tiết kiệm công sức, thời gian, kinh phí.
- + Nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.
- + Là tiêu chí đánh giá trình độ tay nghề, nhân tố quyết định thu nhập của người lao động.

*Kết luận: Các phẩm chất nói trên của người lao động có quan hệ chặt chẽ với nhau và người lao động tốt phải là người lao động hội tụ được đầy đủ các phẩm chất đó.*

## **4.2. Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; tu dưỡng và rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.**

### **4.2.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**

#### 4.2.1.1. Xuất phát từ vai trò to lớn của đạo đức:

-Đạo đức là một dạng ý thức xã hội bao gồm tri thức đạo đức, hành vi đạo đức và các quan hệ đạo đức.

-Đạo đức là bộ phận quan trọng của nền tảng tinh thần xã hội, góp phần ổn định xã hội.

#### 4.2.1.2. Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức mẫu mực, sáng ngời, tiêu biểu nhất của truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam:

- Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta; là Chủ tịch nước đầu tiên; Người sáng lập ra nhiều tổ chức chính trị xã hội lớn ở nước ta; là nhà báo, nhà thơ, nhà giáo và là người mở đầu nền sử học mácxít ở Việt Nam.

- Hồ Chí Minh là tiêu biểu cho tấm gương đạo đức cách mạng.

- Người là điển hình cho phong cách lãnh đạo, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt và phong cách sống trong sáng, giản dị.

#### 4.2.1.3. Thực trạng đạo đức hiện nay đòi hỏi “nhân cái đẹp, dẹp cái xấu”:

-Những tiêu cực trong đời sống xã hội hiện nay:

+ Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công

chức diễn ra nghiêm trọng.

+ Âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực phản động quốc tế.

+ Một bộ phận thanh niên, học sinh, sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, không có chí lập thân, chạy theo lối sống thực dụng, sống dựa dẫm, sống thiếu trách nhiệm...

- Xuất phát từ nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

- “Nhân cái đẹp, dẹp cái xấu” theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh sẽ có tác

dụng:

- + Phát huy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc;
- + Khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống, hình thành đạo đức mới;
- + Xây dựng con người Việt Nam có đạo đức cách mạng là yêu cầu cơ bản, thường xuyên, cấp bách hiện nay.

4.2.1.4. Đảng ta khẳng định vai trò quan trọng của đạo đức Hồ Chí Minh:

- Trong điều văn vĩnh biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh (9/1969): *Noi gương Người, toàn thể nhân dân ta, thanh niên ta nguyện ra sức trau dồi mình thành những con người mới làm chủ đất nước, làm chủ xã hội mới...*

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, khẳng định: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, vừa là vinh dự, vừa là trách nhiệm của mỗi người dân Việt Nam.

- Hiện nay, Đảng ta đang đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với mục đích làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh.

4.2.1.5. Học sinh trong cấp chuyên nghiệp học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tu dưỡng và rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt là nghĩa vụ và trách nhiệm:

- Xác định rõ mục đích học tập theo quan điểm của Hồ Chí Minh – Học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, học để trở thành người công dân tốt.

- Xuất phát từ mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe...

- Hình thành phẩm chất đạo đức mới là nguyện vọng của mỗi người và các bậc cha mẹ, ông bà của mỗi học sinh.

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cần được vận dụng cho phù hợp với điều kiện sống, làm việc của mỗi người.

#### **4.2.2. Nội dung học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**

4.2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, “trung với nước, hiếu với dân”:

- Trung thành với mục tiêu độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Tôn trọng, kính yêu nhân dân, có ý thức giữ gìn khối đoàn kết toàn dân tộc.

- Kiên quyết đấu tranh mọi âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

4.2.2.2. Phát huy truyền thống nhân ái của con người Việt Nam mới:

- Tình thương yêu nhân dân và những người lao động trong xã hội.

- Đoàn kết trong nhà trường, lớp học.
- Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, kính thầy, yêu bạn.
- Có ý thức tự rèn luyện, nghiêm khắc với mình, khoan dung với người khác.
- Cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ người khác.
- Tham gia tự nguyện, tích cực các hoạt động vì cộng đồng...

#### 4.2.2.3. Rèn luyện phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”:

- Xác định động cơ, thái độ học tập đúng đắn, siêng năng, chăm chỉ học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng.
- Học tập và làm việc có kế hoạch, phương pháp khoa học mang lại hiệu quả cao.
- Chống thói lười biếng, ngại khó, ngại khổ, dựa dẫm. Chống tư tưởng bình quân chủ nghĩa trong học tập, rèn luyện.
- Thực hành tiết kiệm mọi lúc, mọi nơi.
- Rèn luyện tính trung thực, thật thà trong học tập, thi cử và tổng cuộc sống.
- Nâng cao tinh thần tự phê bình và phê bình.

#### 4.2.2.4. Có tinh thần quốc tế trong sáng

- Lòng tự hào dân tộc chân chính đi đôi với tôn trọng các dân tộc khác.
- Nhận thức sâu sắc đường lối và nhiệm vụ đối ngoại của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng.
- Nâng cao nhận thức bạn và thù; đối tác và đối tượng trong giai đoạn hiện nay. Chống tâm lý tự ti dân tộc, tâm lý sính ngoại.
- Ủng hộ, giúp đỡ nhân dân các nước trong khả năng của mình.

### CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1/ Theo Anh (chị) như thế nào là người công dân tốt, người lao động tốt?
- 2/ Vì sao học sinh cần học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
- 3/ Tìm hiểu một số lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thanh niên, học sinh. Phân tích nội dung và ý nghĩa trong những lời dạy đó?